

CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG NHÂM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: KHÁCH SẠN HOÀNG NHÂM**

Địa điểm thực hiện: Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu



Lai Châu, tháng 9 năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG NHÂM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ “KHÁCH SẠN HOÀNG NHÂM”**

Địa điểm: Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH MTV
HOÀNG NHÂM**



GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Nhâm

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THẾ KỶ**



GIÁM ĐỐC
Lê Hữu Hải

Lai Châu, tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vi
DANH MỤC HÌNH VẼ	vii
CHƯƠNG I	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	5
4.1. Nhu cầu nguyên liệu	5
4.2. Nhu cầu nhiên liệu.....	5
4.3. Nhu cầu hóa chất.....	6
4.4. Nhu cầu sử dụng phế liệu dự kiến nhập khẩu: Không có.....	6
4.5. Nhu cầu sử dụng điện	6
4.6. Nhu cầu sử dụng nước.....	6
4.7. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	8
4.8. Nguyên vật liệu khác	8
5. Đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu tại nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ về các điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.....	8
6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	8
6.1. Hạng mục công trình chính	8
6.1.1. Tòa nhà khách sạn:	9
6.1.2. Gara ô tô - Nhà hàng ẩm thực (Hoa ban Restaurant):.....	10
6.1.3. Nhà sàn người Mường (Phở Lý Quốc Sư):	10
6.1.4. Đài phun nước nghệ thuật:.....	10
6.2. Hạng mục công trình phụ trợ	11
6.2.1. Sân đường nội bộ và vỉa hè.	11
6.2.2. Cổng, tường rào	11
6.2.3. Cây xanh và sân vườn:	11

6.2.4. Hệ thống camera	12
6.2.5. Hệ thống âm thanh công cộng (PA)	12
6.2.6. Hệ thống chống sét - nối đất.....	12
6.2.7. Hệ thống PCCC.....	13
6.3. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường từ khi hoạt động đến nay	13
CHƯƠNG II	15
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI.....	15
CỦA MÔI TRƯỜNG.....	15
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	15
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	15
CHƯƠNG III	16
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	16
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	16
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	16
1.2. Thu gom, thoát nước thải	18
1.2.1. Công trình thu gom nước thải	18
1.2.2. Công trình thoát nước thải	18
1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:.....	18
1.3. Xử lý nước thải.....	20
1.3.1. Quy mô, công suất	20
1.3.2. Công nghệ xử lý.....	21
1.3.4. Các thông số kỹ thuật, vận hành của các công trình xử lý nước thải:	28
1.3.5. Hoá chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.....	29
1.3.6. Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý.....	29
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	29
2.1. Công trình, biện pháp xử lý khí thải và mùi từ hoạt động đun nấu tại khu vực nhà bếp.	29
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng	31
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	31
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	31
3.2. Giảm thiểu ô nhiễm đối với chất thải rắn sản xuất: Không có.	34
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	34
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	36

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.....	37
6.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ	37
6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước.....	38
6.3. Biện pháp sự cố đối với sự cố thang máy.....	38
6.4. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải.....	38
6.5. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi	39
6.6. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất	39
6.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố ngộ độc thực phẩm	39
6.8. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố.....	39
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	40
7.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt dư.....	40
7.2. Biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp	40
8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	40
9. Nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường được cấp: Không có.	46
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả về việc thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.....	46
CHƯƠNG IV.....	47
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	47
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	47
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	47
4.1.2. Lưu lượng nước thải đề nghị cấp phép	47
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có	49
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không có	49
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Không có	49
CHƯƠNG V.....	50
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	50
CHƯƠNG VI.....	58
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	58
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	58
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải	58

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đủ điều kiện để phối hợp để thực hiện Kế hoạch	59
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	59
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	59
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	60
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động và liên tục khác theo quy định pháp luật có liên quan hoặc đề xuất của chủ cơ sở.....	60
CHƯƠNG VII	61
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	61
CHƯƠNG VIII	62
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	62

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
GP	: Giấy phép
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
STNMT	: Sở Tài nguyên và Môi trường
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TDS	: Tổng chất rắn hòa tan
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
TT	: Thông tư
TTg	: Thủ tướng
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Nguyên liệu chính phục vụ Dự án5

Bảng 2: Nhu cầu sử dụng nhiên liệu5

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng hóa chất.....6

Bảng 4: Nhu cầu cấp nước của khách sạn7

Bảng 5: Thông số kỹ thuật của công trình xây dựng của Khách sạn Hoàng Nhâm.....9

Bảng 6: Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....17

Bảng 7: Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải sản xuất20

Bảng 8: Nhu cầu cấp nước của khách sạn21

Bảng 9: Thông số các hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt.....28

Bảng 10: Hoá chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.....29

Bảng 11: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi khí thải phát sinh.....30

Bảng 12: Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành ...34

Bảng 13: Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng nước thải ..47

Bảng 14: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 202251

Bảng 15: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 202352

Bảng 16: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 202254

Bảng 17: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 202355

Bảng 18: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án.....58

Bảng 19: Kế hoạch đo đạc lấy mẫu đánh giá hiệu quả xử lý các công trình xử lý chất thải tại Dự án58

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Sơ đồ vị trí thực hiện dự án:	2
Hình 2: Mặt ngoài Khách sạn Hoàng Nhâm	2
Hình 3: Sơ đồ hoạt động tại khách sạn	4
Hình 4: Khu vực ngoài Nhà hàng ẩm thực và Phở Lý Quốc Sư	11
Hình 5: Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa	16
Hình 6: Hình ảnh hệ thống rãnh thoát nước mưa	17
Hình 7: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở	19
Hình 8: Rãnh thu gom, thoát nước thải của cơ sở	19
Hình 9: Sơ đồ cấu tạo và nguyên lý làm việc của bể tự hoại	23
Hình 10. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu, mỡ	23
Hình 11. Hình ảnh bể tách dầu, mỡ	24
Hình 12. Hệ thống xử lý lọc bể bơi	25
Hình 13. Hệ thống nước thải tập trung	25
Hình 14. Hình ảnh hệ thống nước thải tập trung	26
Hình 15: Hệ thống hút mùi khu vực nấu ăn	29
Hình 16: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý mùi	30
Hình 17. Sơ đồ xử lý chất thải rắn	32
Hình 18. Hình ảnh khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt	32
Hình 19. Hình ảnh thùng chứa chất thải sinh hoạt	33
Hình 20: Kho chứa chất thải nguy hại của khách sạn	35
Hình 21. Sơ đồ nguyên lý buồng tiêu âm chống ồn	36
Hình 22. Kết cấu cách âm phòng Karaoke	37
Hình 23. Vị trí xả nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung	48

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm
- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 8, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu
- Người đại diện theo pháp luật của dự án cơ sở: (Bà) Hoàng Thị Nhâm
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0912247888
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6200003760. Do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lai Châu đăng ký lần đầu: ngày cấp: 13/7/2004; thay đổi lần 6 ngày 17/3/2017.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **KHÁCH SẠN HOÀNG NHÂM**
- Địa điểm cơ sở: Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Khách sạn Hoàng Nhâm được xây dựng tại ô đất đường Điện Biên Phủ, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Công trình được xây dựng trên một khu đất tương đối rộng và thoáng, xung quanh dự án đều có dân cư sinh sống khoảng cách gần nhất 02m, dự án giáp Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam theo hướng Tây Bắc; cách hồ hạ thành phố Lai Châu khoảng 100 m theo hướng Bắc, Dự án có 2 mặt tiếp giáp với đường giao thông cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp với đường Điện Biên Phủ
- Phía Đông Nam tiếp giáp với đường Nguyễn Đức Cảnh
- Phía Tây Bắc giáp với khu đất của Ngân hàng Cổ phần thương mại Công Thương.
- Phía Tây Nam giáp rãnh thoát nước.

Công trình có thể tiếp cận được từ 2 phía Đông Bắc – Đông Nam



Hình 1: Sơ đồ vị trí thực hiện dự án:



Hình 2: Mặt ngoài Khách sạn Hoàng Nhâm

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Về thẩm định thiết kế xây dựng: Dự án đã được Sở Xây dựng cấp phép xây dựng 02 lần với tổng diện tích là 7.918m², trong đó: Giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 03/3/2016 và điều chỉnh giấy phép xây dựng ngày 26/6/2016: vị trí xây dựng thửa đất số 52 diện tích 3.763m² và Giấy phép xây dựng số 1030/GPXD ngày 13/12/2018 cho phần diện tích xây dựng tại thửa đất số 5 với diện tích 4.155m².

+ Về phê duyệt dự án: Dự án khách sạn Hoàng Nhâm đã được UBND tỉnh Lai Châu Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 và đã được UBND tỉnh Lai Châu Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 06/6/2017.

+ Về đất đai: Tổng diện tích dự án là 7.918 m². Cơ sở đã được UBND tỉnh Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB490747 ngày 18/02/2016 với diện tích là 3.763 m² cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Hoàng Nhâm (*nay là Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Hoàng Nhâm tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 6200003760 đăng ký lần đầu ngày 13/7/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/3/2017*) và số CB911986 ngày 19/7/2017 với diện tích là 4.155 m² cho Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm.

- *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:* Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khách Sạn Hoàng Nhâm

- *Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):*

Dự án thuộc lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng có tổng vốn đầu tư là 395.000.000.000 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm tỷ đồng chẵn*), thuộc dự án nhóm B (*theo khoản 4 điều 9 Luật Đầu tư công 2019*).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Khách sạn Hoàng Nhâm là khách sạn 4 sao: diện tích xây dựng 1.780m², diện tích sàn 11.948m² gồm 15,5 tầng (gồm 1 tầng hầm, 14 tầng trên mặt đất và 01 tầng tum) với khoảng 124 phòng nghỉ (trong đó có: gồm 37 phòng đơn diện tích 36m², 09 phòng đơn diện tích 54 m², 04 phòng đơn diện tích 70 m², 73 phòng đôi diện tích 36m², 01 phòng Vip diện tích 160m² và phòng ăn VIP diện tích 16 m², phòng ăn lớn tầng 2 diện tích 243 m², phòng ăn lớn tầng 3 diện tích 1200 m²; các phòng hội trường, phòng họp cùng các dịch vụ bể bơi tầng 4 diện tích 75 m², dịch vụ Massage gồm 4 phòng diện tích 9 m²/phòng, đồ uống, dịch vụ vui chơi thể thao, giải trí.

Tầng hầm diện tích 1.780m², gồm khu để xe, 4 phòng karaoke, phòng bảo vệ, khu giặt là và phòng kỹ thuật.

- Tầng 1 diện tích mặt bằng là 1.780 m², gồm: Quầy lễ tân, phòng điều hành, khu bán hàng cao cấp (như túi xách, giày dép, nước hoa, mỹ phẩm...), khu trưng bày mỹ nghệ, khu vực bếp và khu vực chờ cho khách.

- Tầng 2 diện tích 1.685 m²: Gồm 3 phòng ăn VIP; phòng ăn lớn và khu vực ăn đồ Âu - Á, phòng điều hành, khu vực vệ sinh.

- Tầng 3 diện tích 1.685m², là khu vực giải trí: Gồm bể bơi (diện tích 256,8 m²), 02 phòng tập gym (1 phòng tập cho nữ và 1 phòng tập cho nam), 02 phòng Spa, 10 phòng massage, 01 phòng sục, khu vực quầy bar, uống coffe ngoài trời và cây cảnh.

- Tầng 4, 5, 6: diện tích mỗi tầng là 628 m², mỗi tầng gồm có: 02 phòng đơn diện tích 30 m²; 06 phòng sim tích 32 m² (trong đó có 3 phòng đơn và 3 phòng đôi); 02 phòng đơn diện tích 35 m² (tiên chuẩn phòng thương gia); 04 phòng đơn diện tích 38m²(phòng 3 giường)

- Các tầng từ tầng 7 đến tầng 13 (diện tích mỗi tầng là 626 m²), mỗi tầng được thiết kế: 01 phòng VIP diện tích 65 m² (tiêu chuẩn phòng tổng thống); 01 phòng đơn diện tích 30 m²; 06 phòng diện tích 32 m² (trong đó có 3 phòng đơn và 3 phòng đôi); 01 Phòng đơn diện tích 35 m² (tiêu chuẩn phòng thương gia); 04 phòng đơn diện tích 38 m² (phòng 3 giường);

- Tầng 14 diện tích mặt bằng 628m² được thiết kế các phòng họp trong đó có 1 phòng hội trường lớn 350m², 1 phòng họp nhỏ diện tích 21,66 m², 1 phòng họp diện tích 44,46 m².

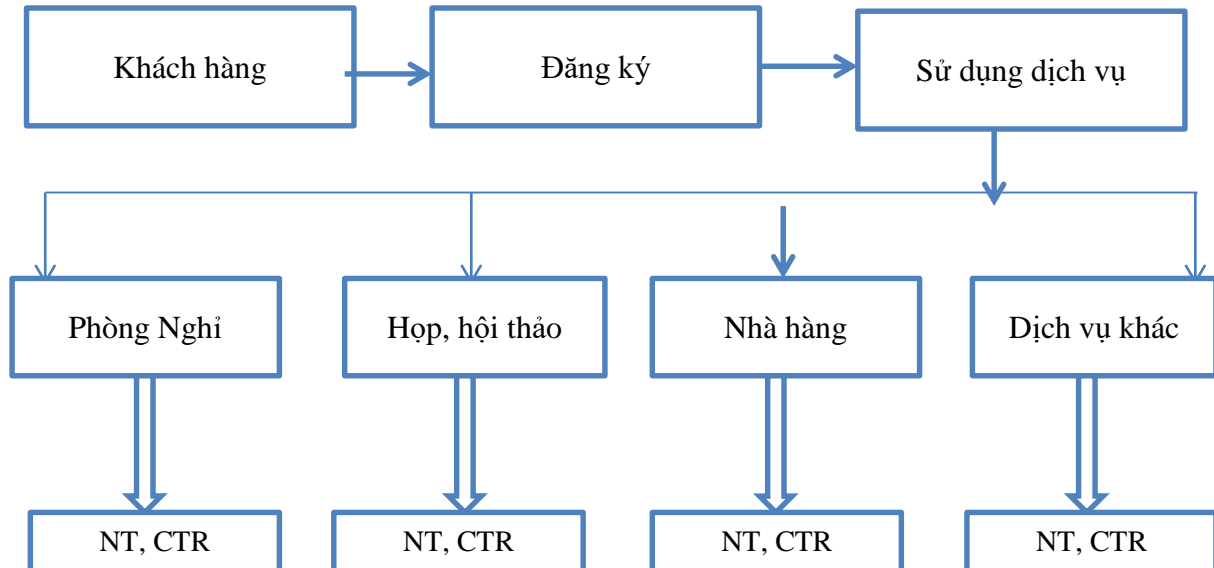
- Tầng tum (0,5 tầng, tầng thứ 14,5): dùng để bố trí một số thiết bị, máy móc kỹ thuật (như: bể téc nước, giàn máy điều hòa, dây phơi quần áo, chắn màn, rèm cửa,...) để phục vụ vận hành dự án.

Công suất hoạt động tối đa tại khách sạn Hoàng Nhâm là phục vụ cùng lúc: 1.800 người/ngày.

Trong quá trình hoạt động thực tế của Khách sạn Hoàng Nhâm đến thời điểm lập báo cáo tháng có công suất hoạt động cao điểm nhất đạt 40% công suất thiết kế của Khách sạn và lượng nước sử dụng là 710 m³/tháng (tháng 4/2023), như vậy 1 ngày lượng nước sử dụng lớn nhất ứng với 40% công suất là 23,67 m³/ngày đêm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Khách sạn Hoàng Nhâm vận hành theo quy trình khép kín nhằm cung cấp các dịch vụ: lưu trú du lịch, nghỉ dưỡng, nhà hàng, .. theo tiêu chuẩn 4 sao. Quy trình hoạt động của Khách sạn được mô tả trong hình sau:



Hình 3: Sơ đồ hoạt động tại khách sạn

Thuyết minh: Cơ sở là Khách sạn nên có nhiều khách hàng sử dụng dịch vụ là khách du lịch trong và ngoài nước. Tại đây, quy trình tiếp đón và cung cấp dịch vụ cho khách hàng được tổ chức như sau:

- Khách hàng đặt phòng qua điện thoại hoặc trực tiếp tại lễ tân. Bộ phận lễ tân sẽ đón tiếp khách hàng, sắp xếp theo yêu cầu của khách hàng.

- Khách hàng tiến hành lưu trú hoặc sử dụng các dịch vụ tại khách sạn theo hướng dẫn của nhân viên khách sạn.

- Khách hàng thanh toán các chi phí, dịch vụ tại khách sạn theo quy định sau khi lưu trú và sử dụng các dịch vụ.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra của Cơ sở “Khách sạn Hoàng Nhâm” là dịch vụ khách sạn cao cấp tiêu chuẩn 4 sao đáp ứng nhu cầu lưu trú, nghỉ dưỡng của khách du lịch (trong nước và ngoài nước), cụ thể như sau:

- Cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng cho khách hàng với 124 phòng nghỉ;
- Cung cấp các dịch vụ đi kèm gồm: spa, phòng tập, nhà hàng ăn uống, cafe, bể bơi ...

- Khách sạn phục vụ trung bình khoảng 27.000 lượt khách/tháng (ứng với công suất khoảng 50% công suất phục vụ tối đa).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên liệu

Nguyên liệu phục vụ hoạt động tại cơ sở Khách sạn Hoàng Nhâm chủ yếu là các loại thực phẩm, rau củ quả, thủy hải sản,... được cung cấp để phục vụ hoạt động nhà hàng, nhu cầu ăn uống của thực khách với nhu cầu sử dụng không thể xác định, tùy vào từng thời điểm khác nhau.

Bảng 1: Nguyên liệu chính phục vụ Dự án

TT	Thực ăn	Đơn vị	Khối lượng
1	Thực phẩm (rau, củ, quả)	tấn/tháng	1
2	Thực phẩm (thịt, cá)	tấn/tháng	2
3	Đường, sữa	tấn/tháng	0,2
4	Gia vị	tấn/tháng	0,3
5	Nước giải khát các loại	tấn/tháng	2

4.2. Nhu cầu nhiên liệu

Chủ cơ sở sử dụng nhiên liệu chủ yếu là khí gas (bình gas), cồn khô,... phục vụ chủ yếu cho hoạt động tại nhà hàng, chế biến món ăn để phục vụ cho thực khách lưu trú tại khách sạn.

Dầu DO được sử dụng cho quá trình vận hành dự phòng trong trường hợp lưới điện quốc gia gặp sự cố (hoạt động này diễn ra không liên tục), nhu cầu sử dụng tối đa 10 lít dầu DO/giờ/máy (khách sạn bố trí 02 máy phát điện dự phòng với công suất 1000 KVA). Giả sử trong 01 tháng cúp điện khoảng 02 ngày (01 ngày cúp điện khoảng 8 giờ), chủ cơ sở vận hành thời gian này để cấp điện cho cơ sở.

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Khách sạn Hoàng Nhâm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2: Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

TT	Loại nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
----	------------------	--------	------------	---------

1	Khí gas phục vụ nấu ăn	kg/tháng	150kg/tháng	Phục vụ hoạt động chế biến món ăn, nhà hàng
2	Dầu DO cho hoạt động của (trong trường hợp mất điện)	lít/giờ	10 lít/giờ/máy	Phục vụ hoạt động của máy phát điện dự phòng

(Nguồn: Chủ cơ sở)

4.3. Nhu cầu hóa chất

Chủ cơ sở sử dụng một số hóa chất để phục vụ hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	Hóa chất	Đơn vị	Khối lượng, tần suất sử dụng
1	Hóa chất tẩy rửa: lau rửa đa năng để vệ sinh	lít	10 lít/tháng
2	Hóa chất tẩy rửa nhà vệ sinh	lít	10 lít/tháng
3	Hóa chất khử trùng Clorin	kg	6 kg/tháng
4	Hóa chất vi sinh Bio – phot	kg	20,5kg/3 tháng

(Nguồn: Chủ cơ sở)

Ghi chú:

- Hoá chất khử trùng Clorin liều lượng sử dụng khoảng 2mg/lít nước thải theo Theo TCXD 33:2006.

- Lượng Hóa chất vi sinh Bio – phot sử dụng bổ sung cho bể tự hoại giai đoạn vận hành thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất với liều lượng khoảng 180g/1 m³ bể tự hoại.

4.4. Nhu cầu sử dụng phế liệu dự kiến nhập khẩu: Không có

4.5. Nhu cầu sử dụng điện

Trong quá trình hoạt động thực tế của Khách sạn Hoàng Nhâm đến thời điểm lập báo cáo công suất hoạt động của Khách sạn khoảng 38% với lượng điện tiêu thụ cao điểm nhất là 37.994 kWh/tháng (thời điểm mùa đông vào tháng 11/2023 nhu cầu sử dụng điện cho sưởi ấm lớn nên lượng điện tiêu thụ tăng cao so với mùa hè mặc dù lượng khách ít hơn), Như vậy, lượng điện tiêu thụ tại Khách sạn lớn nhất trong 01 ngày là 1.266,47 kWh.

Do đó nếu khách sạn hoạt động với tối đa công suất thì lượng điện tiêu thụ cao điểm được tính nội suy từ lượng điện tiêu thụ trên như sau:

$$1.266,47 \text{ kWh/ngày.đêm} \times 100\% : 38\% = 3.166,18 \text{ kWh}$$

Bên cạnh đó, chủ cơ sở đã đầu tư trang bị 2 máy phát điện dự phòng có công suất 1000 KVA mỗi máy để phục vụ hoạt động của cơ sở trong trường hợp có sự cố mất điện.

4.6. Nhu cầu sử dụng nước

Trong quá trình hoạt động thực tế của Khách sạn Hoàng Nhâm đến thời điểm lập báo cáo tháng có công suất hoạt động cao điểm nhất đạt 40% công suất thiết kế của Khách sạn và lượng nước sử dụng là 710 m³/tháng (tháng 4/2023), như vậy 1 ngày lượng nước sử dụng lớn nhất ứng với 40% công suất là 23,67 m³/ngày. Cụ thể như sau:

TT	Chức năng	Lưu lượng m ³ /ngày
1	Khách ở khách sạn	10,27
2	Phòng họp	1
3	Bếp	4
4	Nhân viên phục vụ	2
5	Cafe + Massage	1
6	Giặt	2,4
7	Bể bơi (nước bổ sung hao hụt)	2
8	Nước tưới rửa và các loại nước khác	1
	Cộng (Làm tròn)	23,67

(có hoá đơn nước tháng 4/2023 kèm theo)

Như vậy với lượng nước tiêu thụ trên trường hợp khách sạn hoạt động 100% công suất lượng nước tiêu thụ tính toán theo nội suy là:

$$23,67 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \times 100\% : 40\% = 59,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

Tuy nhiên để ước lượng nhu cầu sử dụng nước tối đa của khách sạn khi hoạt động 100% công suất đảm bảo nhu cầu cấp nước, thì nhu cầu sử dụng nước được tính toán theo định mức dùng nước khoảng 98,06 m³/ngày.đêm. Cụ thể như sau:

Bảng 4: Nhu cầu cấp nước của khách sạn

T T	Chức năng	Quy mô	Đơn vị	Tiêu chuẩn ngày	Lưu lượng m ³ /ngày	Căn cứ pháp lý
1	Khách ở khách sạn	248	Người	130 lít/người*ngày	32,24	TCVN 13606:2023
2	Phòng họp	300	Người	10,4 lít/người*ngày	3,12	Nước dịch vụ bằng 8% lượng nước sinh hoạt (TCVN 13606:2023)
3	Bếp	1100	Người	25 lít/người/bữa ăn	27,5	TCVN 4513:1988
4	Nhân viên phục vụ	52	Người	130 lít/người*ngày	6,76	TCVN 13606:2023
5	Cafe + Massage	100	Người	10,4 lít/người*ngày	1,04	Nước dịch vụ bằng 8% lượng nước sinh hoạt (TCVN 13606:2023)
6	Giặt	100	kg	90 lít/kg	9	TCVN 4513:1988

7	Bể bơi (nước bổ sung hao hụt)	135	m ³	10%	13,5	Bổ sung nước tràn 10% (TCVN 4513:1989)
8	Nước tưới vườn hoa	1500	m ²	3	4,5	QCVN 01:2021/BXD
9	Nước rửa sân, đường nội bộ	1000	m ²	0,4	0,4	
Tổng nhu cầu dùng nước (Làm tròn)					98,06	

Ghi chú: Lượng khách ở khách sạn là 248 người được tính theo số phòng khách sạn có là 124 phòng nhân với số lượng khách nghỉ là 02 người/phòng (theo quy định về số lượng khách nghỉ trong một phòng của khách sạn Hoàng Nhâm).

4.7. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

- Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước Khách sạn sử dụng được cung cấp bởi Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu có địa chỉ tại 009 Nguyễn Văn Linh, Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu Lai Châu.

Nước sạch từ mạng cấp nước Khu vực theo ống Ø50 vào bể chứa 80 m³ phục vụ riêng cho sinh hoạt, được máy bơm bơm lên bể nước mái có tổng dung tích là 70m³ đặt trên tầng tum của công trình.

- Nguồn cung cấp điện: Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của Khách sạn được phân phối bởi Công ty Điện lực Lai Châu có địa chỉ tại Đường Điện Biên Phủ - phường Tân Phong - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu.

Sử dụng hai máy phát dự phòng có công suất 1000 KVA mỗi máy. Với thiết kế có các dự phòng cùng với hệ các máy cắt, các ATS làm việc liên kết với nhau thì việc cung cấp điện của toàn công trình gần như được duy trì liên tục. Nguồn điện dự phòng từ máy phát cũng đảm bảo cho các thiết bị chữa cháy trong trường hợp có cháy như: thang máy, quạt tăng áp cầu thang, quạt hút khói hành lang, bơm chữa cháy

Để đảm bảo tính liên tục và độ an toàn cấp điện cũng như mỹ quan, tất cả các tuyến điện trong khu vực đều được đi ngầm. Dùng cáp cách điện XLPE của CADIVI, luồn trong ống nhựa PVC để bảo vệ.

Khách sạn cũng được thiết kế sử dụng hệ thống điện thông minh, sử dụng năng lượng sạch, thân thiện môi trường: giàn đun nước nóng và điện chiếu sáng công trình sử dụng thiết bị năng lượng mặt trời....

4.8. Nguyên vật liệu khác

Những nguyên vật liệu khác cần cung cấp trong quá trình hoạt động Khách sạn bao gồm: Nguyên vật liệu phục vụ các hoạt động dịch vụ du lịch (khăn trải bàn, khăn tắm, vật dụng trang trí...) và hoạt động ăn uống tại nhà hàng (thực phẩm, gia vị.....)

5. Đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu tại nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ về các điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu

Cơ sở “Khách sạn Hoàng Nhâm” không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất.

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

6.1. Hạng mục công trình chính

Khách sạn Hoàng Nhâm có địa điểm thực hiện nằm tại Đường Điện Biên Phủ - phường Tân Phong - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu, có cấu trúc xây dựng Khách sạn hạng 4 sao gồm 15,5 tầng với quy mô 124 phòng cùng với nhà hàng ẩm thực và nhà sàn người Mường.

Bảng 5: Thông số kỹ thuật của công trình xây dựng của Khách sạn Hoàng Nhâm

TT	Chỉ tiêu	Thông số kỹ thuật		
		Toà nhà Khách sạn	Gara ô tô - Nhà hàng ẩm thực	Nhà sàn người Mường
1	Diện tích khu đất	3.763 m ²	4.155 m ²	
2	Diện tích xây dựng	2.170 m ²	438 m ²	263 m ²
3	Tổng diện tích sàn	19.052 m ²	2.365 m ²	526 m ²
4	Chiều cao công trình	62,5 m	15,8 m	13 m
5	Số tầng	01 tầng hầm, 14 tầng trên mặt đất; 01 tầng tum	01 tầng hầm, 03 tầng nổi	02 tầng
6	Mật độ xây dựng	57,6 %	16,8%	
7	Hệ số sử dụng đất	5,06	0,69	

6.1.1. Toà nhà khách sạn:

Khách sạn Hoàng Nhâm là khách sạn 4 sao: diện tích xây dựng tầng 1: 2.170m², tổng diện tích sàn 19.052m² gồm 15,5 tầng (gồm 01 tầng hầm, 14 tầng trên mặt đất; 01 tầng tum) với 124 phòng nghỉ (trong đó có: gồm 37 phòng đơn diện tích 36m², 09 phòng đơn diện tích 54 m², 04 phòng đơn diện tích 70 m², 73 phòng đôi diện tích 36m², 01 phòng Vip diện tích 160m² và phòng ăn VIP diện tích 16 m², phòng ăn lớn tầng 2 diện tích 243 m², phòng ăn lớn tầng 3 diện tích 1200 m²; các phòng hội trường, phòng họp cùng các dịch vụ bể bơi tầng 4 diện tích 75 m², dịch vụ Massage gồm 4 phòng diện tích 9 m²/phòng, đồ uống, dịch vụ vui chơi thể thao, giải trí.

Tầng hầm diện tích 1.780m², gồm khu để xe, 4 phòng karaoke, phòng bảo vệ, khu vực giặt là và phòng kỹ thuật.

- Tầng 1 diện tích mặt bằng là 1.780 m², gồm: Quầy lễ tân, phòng điều hành, khu bán hàng cao cấp (như túi xách, giày dép, nước hoa, mỹ phẩm....), khu trưng bày mỹ nghệ, khu vực bếp và khu vực chờ cho khách.

- Tầng 2 diện tích 1.685 m²: Gồm 3 phòng ăn VIP; phòng ăn lớn và khu vực ăn đồ Âu - Á, phòng điều hành, khu vực vệ sinh.

- Tầng 3 diện tích 1.685m², là khu vực giải trí: Gồm bể bơi (diện tích 256,8 m²), 02 phòng tập gym (1 phòng tập cho nữ và 1 phòng tập cho nam), 02 phòng Spa, 10 phòng massage, 01 phòng sục, khu vực quầy bar, uống cafe ngoài trời và cây cảnh.

- Tầng 4, 5, 6: diện tích mỗi tầng là 628 m², mỗi tầng gồm có: 02 phòng đơn diện tích 30 m²; 06 phòng diện tích 32 m² (trong đó có 3 phòng đơn và 3 phòng đôi); 02 phòng đơn diện tích 35 m² (tiên chuẩn phòng thương gia); 04 phòng đơn diện tích 38m² (phòng 3 giường)

- Các tầng từ tầng 7 đến tầng 13 (diện tích mỗi tầng là 626 m²), mỗi tầng được

thiết kế: 01 phòng VIP diện tích 65 m² (tiêu chuẩn phòng tổng thống); 01 phòng đơn diện tích 30 m²; 06 phòng diện tích 32 m² (trong đó có 3 phòng đơn và 3 phòng đôi); 01 Phòng đơn diện tích 35 m² (tiêu chuẩn phòng thương gia); 04 phòng đơn diện tích 38 m² (phòng 3 giường);

- Tầng 14 diện tích mặt bằng 628m² được thiết kế các phòng họp trong đó có 1 phòng hội trường lớn 350m², 1 phòng họp nhỏ diện tích 21,66 m², 1 phòng họp diện tích 44,46 m².

- Tầng tum (0,5 tầng, tầng thứ 14,5): dùng để bố trí một số thiết bị, máy móc kỹ thuật (như: bể téc nước, giàn máy điều hòa, dây phơi quần áo, chắn màn, rèm cửa,...) để phục vụ vận hành dự án.

6.1.2. Gara ô tô - Nhà hàng ẩm thực (Hoa ban Restaurant):

Gara ô tô - Nhà hàng ẩm thực (Hoa ban Restaurant) gồm 03 tầng nổi và 01 tầng hầm hướng nhìn ra đường Điện Biên Phủ và khu đài phun nước, Phong các tân cổ điển cùng ngôn ngữ thiết kế với khách sạn chính. Với khối đế là gara ô tô ngầm có sức chứa 30 xe. Diện tích xây dựng: 438m² với công năng sử dụng cho nhu cầu ăn uống khoảng 150 chỗ, khu bếp ăn, khu vệ sinh nam nữ. Diện tích sàn tầng 2: 452 m² được sử dụng làm phòng hội trường với sức chứa 300 chỗ, sân khấu và hành lang chuẩn bị. Tầng áp mái được sử dụng làm kho và khu kỹ thuật điều hòa.

6.1.3. Nhà sàn người Mường (Phở Lý Quốc Sư):

Nhà sàn người Mường (Phở Lý Quốc Sư) cao 2 tầng với diện tích xây dựng tầng 1: 263 m², tầng 2; 283 m². Phục vụ nhu cầu ăn sáng và Bar, cà phê giải khát cho du khách và khách địa phương. Nhà sàn được xây dựng theo phong cách nhà sàn của người Mường, tạo điểm nhấn mang tính bản địa dân gian vùng cao trong khuôn viên. Nhà sàn được thiết kế với không gian hoàn toàn mở, kết hợp với cảnh quan tự nhiên trong sân vườn.

6.1.4. Đài phun nước nghệ thuật:

Đài phun nước nghệ thuật với diện tích 468m² nằm ở vị trí trung tâm của khuôn viên. Đài phun nước được thiết kế cao 2 cấp nhằm tận dụng cao độ tự nhiên hiện trạng. Sử dụng 5 cụm đài phun được kết hợp với âm thanh và ánh sáng, nhằm tạo điểm nhấn hiện đại cho toàn bộ dự án Khách sạn và khuôn viên cảnh quan khách sạn.



Hình 4: Khu vực ngoài Nhà hàng ẩm thực và Phở Lý Quốc Sư

6.2. Hạng mục công trình phụ trợ

Sân đường nội bộ, công ra vào, tường rào xung, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, khuôn viên cây xanh.

6.2.1. Sân đường nội bộ và vỉa hè.

- Sân lát gạch Seterrazo 400x400 sẫm màu. Cốt hoàn thiện mặt sân cao hơn cốt mặt đường là 150mm.

- Bó vỉa bồn trồng cây ốp gạch, gạch thẻ loại 50x100 màu da cam.

- Phần đường nội bộ chạy vòng quanh công trình nước trái nhựa Aphan.

6.2.2. Cổng, tường rào

- Cổng: Cổng công trình được thiết kế đảm bảo cả an toàn lẫn tính thẩm mỹ cũng như phù hợp với công trình.

- Tường rào: Tường rào đường thiết kế để đảm bảo an ninh cho công trình, đồng thời cũng phải đảm bảo thẩm mỹ và góp phần cùng công trình tạo nên một tổng thể kiến trúc đẹp.

- Bãi đỗ xe được đặt tại tầng hầm với diện tích 800 m². Không gian để xe được thiết kế với các tuyến vào - ra hợp lý, các bước cốt đủ lớn thích hợp với việc để xe ô tô. Với lối xuất nhập hàng hoá, kho tàng cũng gần khu vực này, tạo nên sự thuận tiện cho dự án.

6.2.3. Cây xanh và sân vườn:

Cây xanh, sân vườn và thảm cỏ được bố trí xung quanh khu đất. Công trình nằm ở giữa khu đất nhằm tạo ra công viên cây xanh tại đây bố trí dải cây xanh bao

quanh thành nơi nghỉ ngơi, giải trí và tạo nên không gian xanh cho cảnh quan khu vực.

6.2.4. Hệ thống camera

- Phát hiện những hoạt động bất thường tòa nhà và báo hiệu cho bảo vệ.
- Cung cấp dữ liệu thường xuyên các hoạt động từ các camera.
- Cung cấp nhận dạng người tại các cửa ra vào, các nơi đậu xe, các cửa cầu thang máy, cầu thang bộ.
- Cung cấp giám sát hành lang.
- Độc lập thiết lập vị trí góc quan sát, góc mở, độ phóng to, thu nhỏ.
- Cho phép giám sát vị trí nhưng không làm ảnh hưởng đến an ninh tổng thể.
- Hệ thống camera được sử dụng là camera IP.
- Cấp sử dụng kết nối camera là cáp UTP cat.6 4 pair.

6.2.5. Hệ thống âm thanh công cộng (PA)

- Hệ thống âm thanh công cộng được thiết kế nhằm mục đích phát nhạc nền và các thông báo công cộng đồng thời phục vụ mục đích sơ tán trong trường hợp khẩn cấp.
- Hệ thống âm thanh công cộng sẽ được tích hợp với hệ thống phòng cháy chữa cháy để ngay khi nhận được tín hiệu báo cháy thì bộ phát lại tin nhắn khẩn cấp của hệ thống PA sẽ phát đi tin nhắn khẩn cấp đó được thu trước để cảnh báo người cư trú và hướng dẫn họ di tản ra bên ngoài ngay lập tức.
- Hệ thống sẽ được chia nhỏ thành các vùng, cho phép lựa chọn các vùng để nhận thông báo.
- Sử dụng các loa âm trần công suất 6W/100V (các loa âm trần được lắp đặt tại những nơi có trần giả).
- Tại các cầu thang bộ được lắp loa treo tường công suất 6W/100V.

6.2.6. Hệ thống chống sét - nối đất

- Để bảo vệ cho công trình tránh bị sét đánh, bố trí lắp đặt hệ thống chống sét tại điểm cao và phân bố đều trong khu vực để phòng chống cháy nổ một cách hợp lý và hiệu quả.
- Sử dụng hệ thống thoát sét với kim thu sét phóng điện sớm
- Vị trí kim thu sét sẽ được bố trí ở vị trí thích hợp và cao nhất của công trình sao cho cung cấp vùng bảo vệ bao phủ lấy toàn bộ khung sườn công trình.
- Hệ thống tiếp đất thoát sét có tổng trở thấp, hệ thống tiếp đất này được liên kết đẳng thế với hệ thống nối đất của công trình.
- Khi bắt đầu xuất hiện những đám mây, điện tích dương tại ranh giới vùng bảo vệ cấp 3, kim thu sét lập tức hoạt động, phóng tia về phía có dòng điện và chuyển toàn bộ năng lượng dòng điện sét xuống các cọc tiếp địa theo đường cáp thoát sét và tản ra nhanh chóng trong đất.
- Thiết bị tự động hoạt động hoàn toàn, không cần bảo trì.
- Nối đất đơn giản có thể nối vào hệ thống nối đất có sẵn

- Hệ thống tiếp đất thoát sét phải đạt $R < 10$ ohm.
- Hệ thống bao gồm các bộ phận chính:
 - + Kim thu sét phóng tia tiên đạo sớm
 - + Trụ đỡ kim loại
 - + Cột thoát sét chuyên dụng với nhiều lớp bọc chống cảm ứng
 - + Thiết bị đếm sét, ghi lại số lần sét đánh vào kim thu sét.
- Hộp kiểm tra nối đất
- Hệ thống đất tổng trở.

6.2.7. Hệ thống PCCC

- Hệ thống chữa cháy bằng nước: Hệ thống ống chữa cháy bằng nước bên ngoài nhà với những trụ ống 2 đầu.

- Hệ thống báo cháy tự động

Tủ điều khiển PCCC trung tâm sẽ được thiết kế và lắp đặt tại phòng Control room và phòng Bảo Vệ của Khách sạn. Tủ báo cháy trung tâm là loại báo cháy địa chỉ cho phép xác định chính xác vị trí của các tín hiệu báo cháy gửi về từ các thiết bị báo cháy như : đầu báo, nút nhấn, các điểm truy xuất

Một bộ phận báo động cháy có nút ấn và mặt kính bảo vệ (Break Glass Units) cùng một chuông báo động cháy (Fire Alarm Bell) sẽ được đặt kế mỗi vũi chữa cháy bên trong nhà và nơi dễ nhìn thấy nhất của cửa thoát nạn.

- Hệ thống bơm tăng áp thang thoát hiểm

Trong khối cao tầng của khách sạn có thang thoát hiểm trang bị thiết bị tăng áp với áp suất dương 50 Pa phân phối dọc theo cầu thang bởi hệ thống gain 0.9m^2 . Buồng thang kín với các cửa có tay đóng tự động. Thiết bị tăng áp sẽ hoạt động khi có tín hiệu báo cháy.

6.3. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường từ khi hoạt động đến nay

Khách sạn hoạt động chính thức từ ngày 26 tháng 12 năm 2020, từ khi vận hành khách sạn luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Rác thải sinh hoạt được thu gom tập kết tại khu vực chứa chất thải rắn thông thường của khách sạn sau đó hàng ngày chuyển giao cho Công ty cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lai Châu vận chuyển xử lý tại bãi rác thành phố Lai Châu.

(Khách sạn thực hiện nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Lai Châu)

Từ 2022 đến nay Khách sạn thực hiện Quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về hướng dẫn luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và

thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Nước thải: khách sạn đã thực hiện chia tách nước mưa chảy tràn và nước thải thành 02 hệ thống thu gom riêng biệt ngay từ khi thiết kế xây dựng.

Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của khách sạn được thu gom và xử lý bởi hệ thống xử lý sơ bộ (bể tự hoại, thiết bị tách dầu mỡ) sau đó chuyển về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khách sạn. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi xả ra hệ thống thoát nước trung của thành phố.

Năm 2022 và 2023 Khách sạn Hoàng Nhâm đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Lai Châu thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung. Kết quả các thông số đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

- Chất thải rắn nguy hại: đã bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại ở tầng hầm khách sạn để lưu trữ CTNH phát sinh tại cơ sở.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (tháng 01/2024). Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, cũng như quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu và phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Tuy nhiên khách sạn Hoàng Nhâm hoàn toàn phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 04 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*). Trong quyết định có thể hiện mục tiêu tổng quát là: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cacbon thấp, phân đầu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

Ngoài ra khách sạn Hoàng Nhâm còn phù hợp với các quy hoạch sau:

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 7/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (*Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu*).

- Phù hợp với Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu (*Kế hoạch số 4294/KH-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Lai Châu*).

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nguồn phát sinh chất ô nhiễm từ khách sạn chủ yếu là nước thải tại sinh hoạt. Tuy nhiên khách sạn đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải của dự án; nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sau đó thải ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

Mặt khác Hiện tại thành phố Lai Châu đang đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung do đó sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố hoàn thiện thì hệ thống này là nguồn tiếp nhận nước thải của Khách sạn, do đó việc xả nước thải của Khách sạn sau xử lý là hoàn toàn phù hợp với khả năng xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Lai Châu.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa từ các mái, sân thượng, ban công được thoát theo các ống đứng PVC có đường kính D150mm dài 286m (tính cả đường ống nối tiếp nhau) xuống hệ thống cống, rãnh thoát nước mưa quanh khách sạn và được lắng bởi các hố gas kích thước 1x1x1m, nước mưa bề mặt được thu gom thoát như sau:

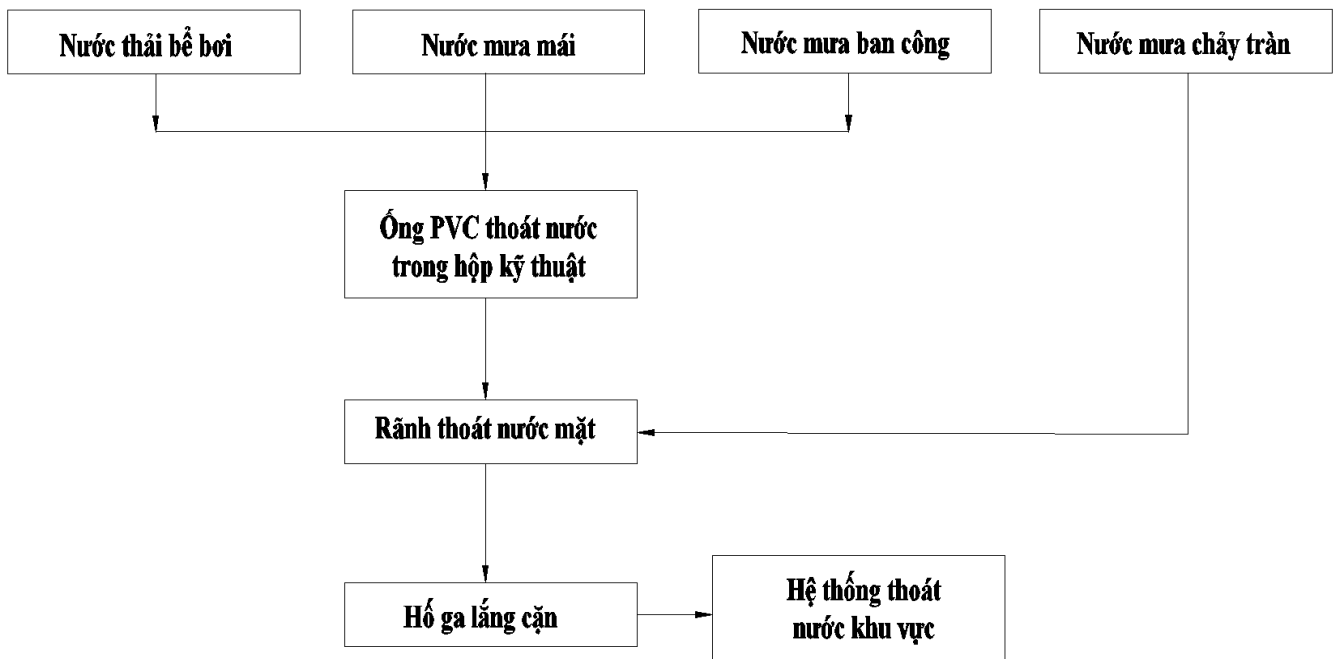
- Khu vực phía trước hầm để xe công chính khách sạn thu gom bởi rãnh thoát nước mưa kích thước dài x rộng x sâu = 20x0,4x0,6m có bố trí 01 hố gas kích thước 1x1x1m.

- Khu vực nhà sàn (phở Lý Quốc Sư) thu gom bởi rãnh thoát nước mưa kích thước dài x rộng x sâu = 25x0,4x0,6m có bố trí 01 hố gas kích thước 1x1x1m.

- Khu vực nhà hàng ẩm thực (Hoa ban Restaurant) thu gom bởi rãnh thoát nước mưa kích thước dài x rộng x sâu = 25x0,4x0,6m có bố trí 01 hố gas kích thước 1x1x1m.

- Nước mưa từ các khu trên gom về rãnh thoát nước mưa xung quanh khách sạn sau đó thoát ra hệ cống thoát nước chung của thành phố tại 03 vị trí gồm: hố ga hệ thống thoát nước chung khu vực công chính, phía đường Điện Biên Phủ; hệ thống thoát nước chung khu vực công phụ khách sạn phía đường Nguyễn Đức Cảnh và hệ thống thoát nước chung khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung phía đường Nguyễn Đức Cảnh.

+ Hệ thống thoát nước mưa được trình bày như trong sơ đồ sau:



Hình 5: Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa



Hình 6: Hình ảnh hệ thống rãnh thoát nước mưa

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom thoát nước mưa của cơ sở như sau:

Bảng 6: Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước	Chiều dài (m)	Số lượng
1	Ống dẫn nước mưa từ mái nhà khối khách sạn xuống hố ga	PVC	D150	286	1
2	Hố ga	Bê tông + gạch	1 m ³ (1 × 1 × 1 m)	–	03
3	Rãnh thu nước mưa (nước mặt) ra Hệ thống thoát nước chung khu vực công chính	BTCT	DxRxS = 9,6x0,25x0,6m	9,6	01
4	Rãnh thu nước mưa (nước mặt) ra Hệ thống thoát nước chung khu vực công phụ	BTCT	DxRxS = 41,7x0,25x0,6 m	41,7	01
5	Rãnh thu nước mưa (nước mặt) ra Hệ thống thoát nước chung khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung	BTCT	DxRxS = 35,4x0,25x0,6 m	35,4	01

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

- Tọa độ vị trí các điểm thoát nước mưa gồm 03 vị trí như sau:

+ Vị trí 1: hồ ga hệ thống thoát nước chung khu vực công chính, phía đường Điện Biên Phủ, tọa độ: X=2476301; Y=548500.

+ Vị trí 2: hệ thống thoát nước chung khu vực công phụ khách sạn phía đường Nguyễn Đức Cảnh, tọa độ: X=2476243; Y=548551.

+ Vị trí 3: hệ thống thoát nước chung khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung phía đường Nguyễn Đức Cảnh, tọa độ: X=2476213; Y=548531.

- Phương thức xả thải: Tự chảy (cả 03 vị trí xả).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt, phát sinh từ các khu vệ sinh đều được thu gom bởi các đường ống trước khi đưa vào các hệ thống xử lý. Cụ thể:

- Nước thải từ chậu xí trong các nhà vệ sinh (khách sạn, nhà hàng, nhà sàn) được thu gom bằng ống PVC có đường kính D110mm, độ dốc 2% về phía ống đứng thoát nước xí tiểu và chảy xuống các bể tự hoại được xây dựng ngầm dưới đất sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Như sau:

+ Khu vực khách sạn: bố trí 01 bể tự hoại dung tích 54 m³, kích thước tổng thể DxRxS = 13,3x2,38x2,3. Ống gom nước thải từ các nhà vệ sinh của khách sạn tổng chiều dài 350m.

+ Khu vực nhà hàng: Bố trí 01 bể tự hoại dung tích 30m³, kích thước kích thước tổng thể DxRxS = 6,6x2,8x2,3m. Ống gom nước thải từ các nhà vệ sinh khu vực nhà hàng tổng chiều dài 150m.

+ Khu vực nhà sàn: Bố trí 01 bể tự hoại dung tích 30m³, kích thước kích thước tổng thể DxRxS = 6,6x2,8x2,3m. Ống gom nước thải từ các nhà vệ sinh khu vực nhà sàn tổng chiều dài 210m.

- Nước thải thoát sàn và từ các chậu rửa khu vực các nhà tắm của khách sạn, nhà hàng, nhà sàn được thu gom qua lưới lọc rác sau đó chảy qua các ống PVC thoát sàn dùng ống D42mm - D110mm tổng chiều dài 400m, độ dốc 2% về phía ống đứng thoát nước tắm, rửa và được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ khu vực nhà bếp sau khi đi qua bể tách dầu, mỡ sẽ được thu gom qua hệ thống tách dầu mỡ sau đó chảy qua hệ thống xử lý nước thải tập trung bởi các đường ống PVC đường kính D150mm chiều dài 90m.

- Nước thải khu giặt ủi được đặt tại tầng hầm được thu gom qua lưới lọc rác sau đó chảy qua các bằng đường ống PVC đường kính 150mm chiều dài 40m đặt ngầm dưới đất để đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.2. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm tự chảy theo đường ống PVC D200mm với chiều dài 2 m thoát vào Hệ thống công thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ 18, phường Tân Phong, TP Lai Châu.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Số điểm xả: 01 điểm qua ống PVC D200mm.

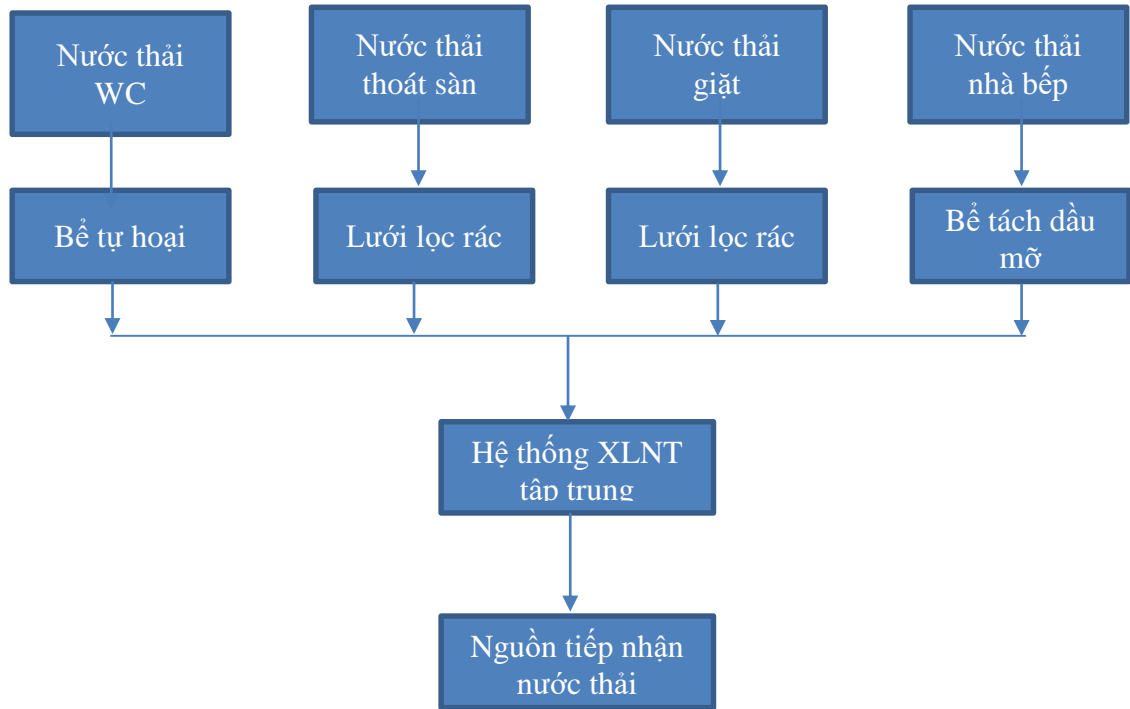
- Vị trí: hệ thống thoát nước chung của thành phố (*đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ 18, phường Tân Phong, TP Lai Châu*).

Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2476214 (m); Y= 548532 (m)

Thông số kỹ thuật cửa xả: Ống PVC D200mm

Phương thức xả thải: Tự chảy

Chế độ xả thải: Gián đoạn.



Hình 7: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở



Hình 8: Rãnh thu gom, thoát nước thải của cơ sở

- Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 7: Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải sản xuất

TT	Hạng mục	Thông số	Số lượng	Tổng chiều dài(m)
1	Ống gom nước thải xí từ nhà vệ sinh khách sạn	PVC D110mm	5	350
2	Ống gom nước thải xí từ nhà vệ sinh nhà hàng	PVC D110mm	5	250
3	Ống gom nước thải xí từ nhà vệ sinh nhà sàn	PVC D110mm	3	190
4	Ống gom nước thoát sàn và từ nhà tắm	PVC D110mm	10	400
		PVC D42mm	150	200
5	Ống gom nước nhà bếp	PVC D150mm	3	50
6	Ống thoát nước	PVC D200mm	1	2

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Quy mô, công suất

Theo tính toán tại phần nhu cầu sử dụng nước phần Chương I của báo cáo lượng nước sử dụng cho Khách sạn Hoàng Nhâm giai đoạn vận hành như sau:

Trong quá trình hoạt động thực tế của Khách sạn Hoàng Nhâm đến thời điểm lập báo cáo tháng có công suất hoạt động cao điểm nhất đạt 40% công suất thiết kế của Khách sạn và lượng nước sử dụng là 710 m³/tháng (tháng 4/2023), như vậy 1 ngày lượng nước sử dụng lớn nhất ứng với 40% công suất là 23,67 m³/ngày đêm. Cụ thể như sau:

TT	Chức năng	Lưu lượng m ³ /ngày
1	Khách ở khách sạn	10,27
2	Phòng họp	1
3	Bếp	4
4	Nhân viên phục vụ	2
5	Cafe + Massage	1
6	Giặt	2,4
7	Bể bơi (nước bổ sung hao hụt)	2
8	Nước tưới rửa và các loại nước khác	1
	Cộng (Làm tròn)	23,67

(có hoá đơn nước tháng 4/2023 kèm theo)

Như vậy với lượng nước tiêu thụ trên trường hợp khách sạn hoạt động 100% công suất lượng nước tiêu thụ tính toán theo nội suy là:

$$23,67 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \times 100\% : 40\% = 59,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

Tuy nhiên để ước lượng nhu cầu sử dụng nước tối đa của khách sạn khi hoạt động 100% công suất đảm bảo nhu cầu cấp nước, thì nhu cầu sử dụng nước được tính toán theo định mức dùng nước khoảng 98,06 m³/ngày.đêm. Cụ thể như sau:

Bảng 8: Nhu cầu cấp nước của khách sạn

T T	Chức năng	Quy mô	Đơn vị	Tiêu chuẩn ngày	Lưu lượng m ³ /ngày	Căn cứ pháp lý
1	Khách ở khách sạn	248	Người	130 lít/người*ngày	32,24	TCVN 13606:2023
2	Phòng họp	300	Người	10,4 lít/người*ngày	3,12	Nước dịch vụ bằng 8% lượng nước sinh hoạt (TCVN 13606:2023)
3	Bếp	1100	Người	25 lít/người/bữa ăn	27,5	TCVN 4513:1988
4	Nhân viên phục vụ	52	Người	130 lít/người*ngày	6,76	TCVN 13606:2023
5	Cafe Massage +	100	Người	10,4 lít/người*ngày	1,04	Nước dịch vụ bằng 8% lượng nước sinh hoạt (TCVN 13606:2023)
6	Giặt	100	kg	90 lit/kg	9	TCVN 4513:1988
7	Bể bơi (nước bổ sung hao hụt)	135	m3	10%	13,5	Bổ sung nước tràn 10% (TCVN 4513:1989)
8	Nước tưới vườn hoa	1500	m2	3	4,5	QCVN 01:2021/BXD
9	Nước rửa sân, đường nội bộ	1000	m2	0,4	0,4	
Tổng nhu cầu dùng nước (Làm tròn)					98,06	
Tổng lượng nước thải phát sinh					79,66	

Ghi chú: Lượng khách ở khách sạn là 248 người được tính theo số phòng khách sạn có là 124 phòng nhân với số lượng khách nghỉ là 02 người/phòng (theo quy định về số lượng khách nghỉ trong một phòng của khách sạn Hoàng Nhâm).

Như vậy lượng nước thải cần xử lý của khách sạn Hoàng Nhâm trong quá trình hoạt động gồm: nước thải từ khách ở khách sạn, khu vực café + massage, từ phòng họp, khu vực bếp, từ quá trình sinh hoạt của nhân viên phục vụ và từ quá trình giặt. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 79,66 m³/ngày.đêm

Theo Điều 39, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính Phủ về thoát nước và xử lý nước thải, nước thải chiếm 100% lượng nước cấp, thì tổng lượng nước thải là **79,66 m³/ngày.đêm**

1.3.2. Công nghệ xử lý

a) Nước thải từ khu nhà vệ sinh

Phương pháp xây dựng bể tự hoại để thu gom và xử lý nước thải, chất thải là

biện pháp được áp dụng tại nhiều công trình khác nhau và mang lại các kết quả tích cực. Việc xây dựng bể tự hoại tại khách sạn là biện pháp bắt buộc và hợp lý nhất đối với cơ sở, góp phần làm tăng hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung từ đó đảm bảo được chất lượng của nước thải sinh hoạt khi ra ngoài môi trường đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT.

- Nước thải qua bể tự hoại sẽ được lắng cặn và lên men cặn lắng (chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng sẽ được giữ lại trong bể khoảng 6 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí, kỵ khí, cặn được phân hủy thành các chất khí và khoáng hòa tan. Bùn cặn lên men định kỳ được chuyên đi bằng xe hút bể phốt chuyên dụng. Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 30 – 35% theo BOD và 50 – 55% đối với cặn lơ lửng.

Nước thải xí tiêu của khách sạn được thu gom xử lý tại bể tự hoại đặt ngầm dưới đất, cụ thể như sau:

+ Khu vực khách sạn: bố trí 01 bể tự hoại dung tích 54 m³, kích thước tổng thể DxRxS = 13,3x2,38x2,3m. Tổng đó: ngăn chứa kích thước 4,233x2,08x2m; ngăn lắng kích thước 4,233x2,08x2m và ngăn lọc kích thước 4,233x2,08x2m.

+ Khu vực nhà hàng: Bố trí 01 bể tự hoại dung tích 30m³, kích thước kích thước tổng thể DxRxS = 6,6x2,8x2,3m. Tổng đó: ngăn chứa kích thước 2,5x2,0x2,0m; ngăn lắng kích thước 2,5x2,0x2,0m và ngăn lọc kích thước 2,5x2,0x2,0m.

+ Khu vực nhà sàn: Bố trí 01 bể tự hoại dung tích 30m³, kích thước kích thước tổng thể DxRxS = 6,6x2,8x2,3m. Tổng đó: ngăn chứa kích thước 2,5x2,0x2,0m; ngăn lắng kích thước 2,5x2,0x2,0m và ngăn lọc kích thước 2,5x2,0x2,0m.

- Bùn trong bể tự hoại định kỳ 1 năm hút 1 lần. Lượng bùn phát sinh cụ thể như sau:

Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10334:2014 về Bể tự hoại bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn dùng cho nhà vệ sinh thì Tiêu chuẩn vùng lưu giữ bùn đã phân hủy như sau:

Sau khi cặn thải phân hủy, phần còn lại sẽ lắng xuống đáy bể, lâu ngày chúng sẽ tích tụ thành bùn. Dung tích bùn nhiều hay ít sẽ phụ thuộc vào tải lượng đầu vào của nước thải, theo số thành viên sử dụng, thành phần và tính chất nước thải, nhiệt độ và thời gian lưu:

$$Vt = r.N.T/1000$$

+ r – lượng cặn đã phân hủy tích lũy của 1 người sử dụng trong vòng 1 năm (với bể tự hoại xử lý nước đen và nước xám: r = 40l/người.năm)

+ T: khoảng thời gian giữa 2 lần hút cặn: 1 năm

+ N: số người sử dụng bể: 1800 người (tính cho toàn bộ dự án công suất tối đa)

Thay số vào công thức ta được dung tích bùn cặn lắng trong mỗi bể tự hoại khoảng: $Vt = (40 \text{ l/người.năm} \times 1800 \text{ người} \times 1 \text{ năm})/1000 = 72 \text{ m}^3$.

Vậy tổng bùn cặn lắng trong 03 bể tự hoại của dự án khoảng 72 m³/1 năm.

Bể tự hoại 03 ngăn bao gồm 01 ngăn chứa và 01 ngăn lắng và 01 ngăn lọc. Nước thải ban đầu đi vào ngăn chứa, sau đó chảy qua ngăn lắng rồi đến ngăn lọc trước khi đưa về hệ thống thoát nước thải của cơ sở. Quá trình xử lý nước thải của bể tự hoại

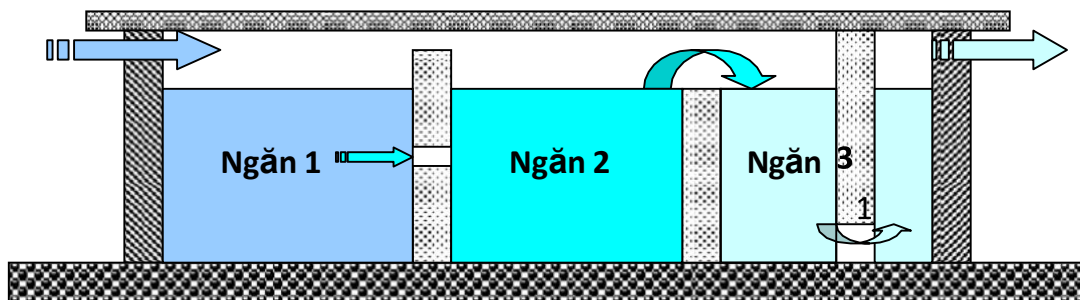
3 ngăn trải qua 3 giai đoạn được thể hiện như sau:

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể có vai trò làm bể chứa lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn có trong dòng thải.

Nước thải chảy theo ống dẫn qua ngăn thứ hai (ngăn lắng) dưới tác dụng của các sinh vật kỵ khí mà các chất hữu cơ có trong dòng thải được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa.

Ngăn cuối cùng là ngăn lọc: có tác dụng làm sạch nước thải do các vi sinh vật kỵ khí bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn cản chất rắn lơ lửng trôi ra theo dòng nước.

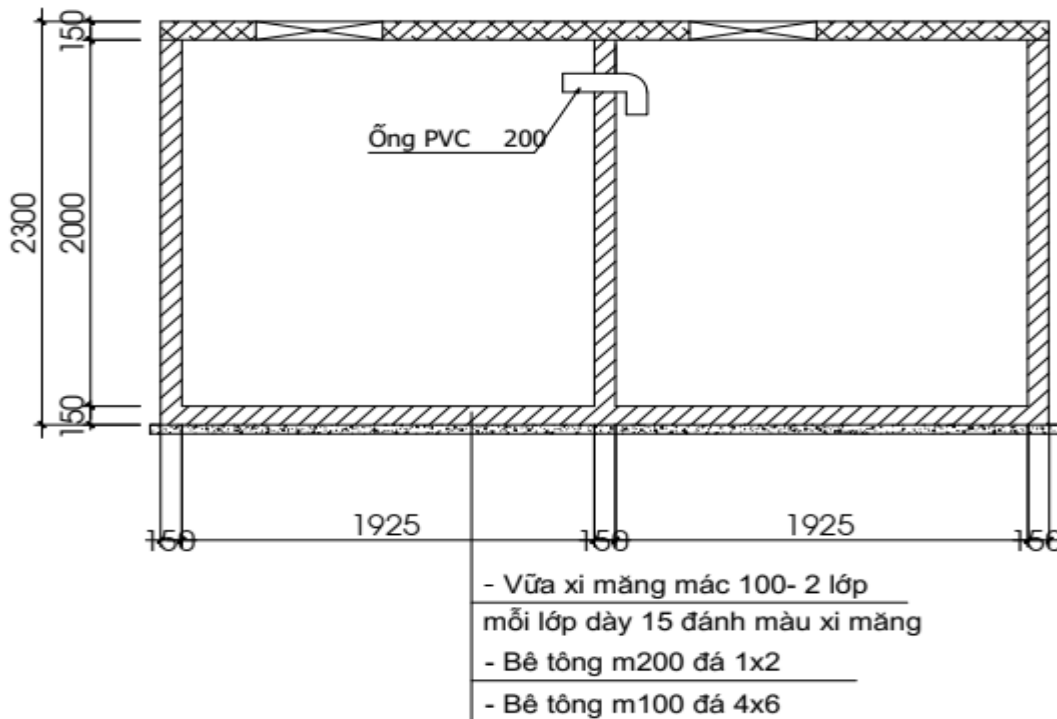
Định kỳ 3 tháng/lần bộ phận kỹ thuật của Khách sạn sẽ tiến hành bổ sung chế phẩm vi sinh cho bể tự hoại.



Hình 9: Sơ đồ cấu tạo và nguyên lý làm việc của bể tự hoại

b) Nước thải từ khu vực nhà bếp

Nước thải khu vực nhà hàng có đặc trưng là hàm lượng dầu mỡ tương đối cao. Do vậy cần lắp đặt bể tách dầu, mỡ để thu lượng dầu, mỡ nổi trên bề mặt.



Hình 10. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu, mỡ



Hình 11. Hình ảnh bể tách dầu, mỡ

Với khối lượng nước thải khu vực (Nhà hàng, Bếp, nước rửa) với khối lượng phát sinh $27,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, với lưu lượng nước thải lấy bằng 80% tổng lưu lượng ngày. Vì vậy lượng nước thải $22 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tương đương với khoảng $4,6 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (thời gian hoạt động tại nhà bếp lấy trung bình khoảng 06 giờ/ngày), xây dựng bể tách dầu, mỡ kích thước tổng thể $(4,3\text{m} \times 1,8\text{m} \times 2,3\text{m})$, có dung tích chứa $11,55 \text{ m}^3$, trong đó ngăn tách mỡ có dung tích $5,775 \text{ m}^3$ (kích thước $1,925 \times 1,5 \times 2\text{m}$) và ngăn chứa có dung tích $5,775 \text{ m}^3$ (kích thước $1,925 \times 1,5 \times 2\text{m}$). Vị trí bể tách mỡ đặt phía sau toà nhà khách sạn Hoàng Nhâm cạnh vị trí đặt bể tự hoại 54 m^3 .

Nhiệm vụ của bể tách dầu, mỡ là tách và giữ dầu mỡ lại trong bể trước khi dẫn vào hệ thống xử lý, tránh nghẹt bơm, đường ống và làm giảm quá trình xử lý sinh học phía sau. Dầu mỡ tách ra định kỳ hút bỏ theo qui định (03 tháng/lần) và được chuyển về kho CTNH để quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại của Khách sạn.

Nguyên lý hoạt động: Nước thải từ khu vực nhà hàng, bếp sau khi đi qua song chắn rác sẽ lọc giữ lại các tạp chất lớn, cặn rác hữu cơ... được đưa vào bể tách dầu, mỡ qua hệ thống ống nhựa PVC D110, dài 50m. Nước có nhiễm dầu mỡ sẽ đi vào ngăn thứ 1. Tại đây lớp dầu mỡ nổi trên bề mặt nước sẽ tích tụ thành lớp màng, váng trên bề mặt nước, định kỳ xả van nước cho phần dầu mỡ bên trên được thu vào máng thu hồi dầu mỡ, qua công đoạn này lượng dầu mỡ đã được thu gom đến 80-90%. Phần nước còn lại tiếp tục chảy vào ngăn thứ 2 sau đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

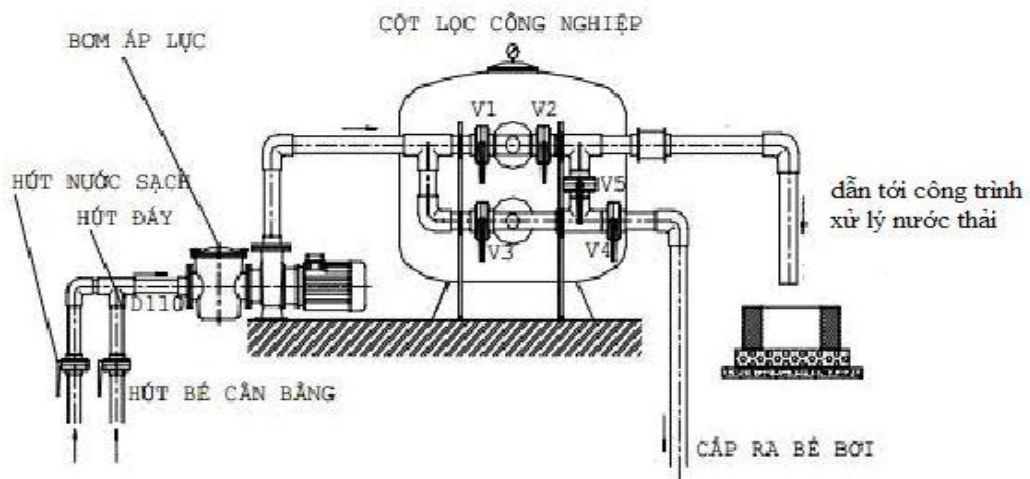
c) Nước thải khu giặt là:

Khu giặt là bố trí tại tầng hầm khách sạn Hoàng Nhâm với lượng nước thải là $9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, Nước thải khu giặt là sau khi được lọc qua song, lưới chắn rác sẽ được gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

d) Nước thải bể bơi

Trong quá trình sử dụng nước bể bơi ngoài trời bị nhiễm bẩn do bụi, đất cát, lá cây, tế bào da của người bơi ... nên có độ đục, hàm lượng cặn lơ lửng cao và là môi trường phát triển của vi khuẩn. Ngoài ra, dưới tác dụng của ánh sáng, nitơ và photpho sẽ giúp cho tảo phát triển.

Dựa vào tính chất của nước bể bơi cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý nước bể bơi tuần hoàn khép kín.



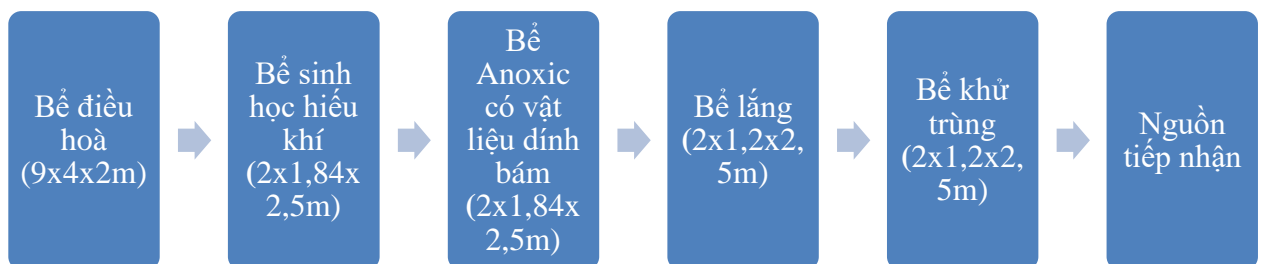
Hình 12. Hệ thống xử lý lọc bể bơi

Với hoạt động của dự án, khu vực bể bơi sẽ sử dụng bơm công suất $24\text{m}^3/\text{h}$ để bơm tuần hoàn cho toàn bộ khu vực này. Để đảm bảo chất lượng nước trong bể bơi, giảm thiểu các rủi ro khi hệ thống lọc không đảm bảo, nước trong bể bơi sẽ được thay toàn bộ 03 tháng/lần. Nước thải của bể bơi thường được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của khách sạn trước khi thải ra môi trường.

e) Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Nước thải từ các khu vực chức năng của khách sạn sau khi được xử lý sơ bộ được thu gom về xử lý triệt để tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn với công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung là $100\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tại đây nước thải sẽ được xử lý đảm bảo các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thể hiện như sau:



Hình 13. Hệ thống nước thải tập trung



Hình 14. Hình ảnh hệ thống nước thải tập trung

Thuyết minh công nghệ :

Nước thải từ các khu vực chức năng của khách sạn Hoàng Nhâm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, quy trình xử lý tại đây như sau:

e.1. Bể điều hoà (9x4x2m)

Nước thải từ các khu vực phát sinh theo đường ống thu gom dẫn về bể điều hoà. Bể điều hoà là nơi tập trung các nguồn nước thải thành một nguồn duy nhất và đồng thời để chứa cho hệ thống hoạt động liên tục.

Do tính chất của nước thải dao động theo thời gian trong ngày, (phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như: nguồn thải và thời gian thải nước). Vì vậy, bể điều hoà là công trình đơn vị không thể thiếu trong bất kỳ một trạm xử lý nước thải nào, đặc biệt là đối với nước thải khách sạn.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Nước thải trong bể điều hòa được sục khí liên tục từ máy thổi khí và hệ thống đĩa phân phối khí nhằm tránh hiện tượng yếm khí dưới đáy bể. Nước thải sau bể điều hòa được bơm qua bể sinh học thiếu khí.

e.2. Bể sinh học hiếu khí (2x1,84x2,5m)

Bể xử lý sinh học hiếu khí bằng bùn hoạt tính dính bám là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vì phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải.

Đây là bể xử lý hiếu khí có dòng chảy cùng chiều với dòng khí là từ dưới lên. Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng và dạng dính bám vào lớp vật liệu đệm. Các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận ôxy và chuyển hoá chất hữu cơ thành thức ăn. Quá trình này diễn ra nhanh nhất ở giai đoạn đầu và giảm dần về phía cuối bể. Trong môi trường hiếu khí (nhờ O₂ khuếch tán vào), vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối trên vật liệu Plasdeck và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất.

Nước sau khi ra khỏi công trình đơn vị này, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%, đồng thời lượng bùn sinh ra cũng không nhiều như ở quá trình xử lý vi sinh bằng bùn hoạt tính lơ lửng (bể Aerotank).

e.3. Bể Anoxic có vật liệu dính bám (2x1,84x2,5m)

Bể Anoxic là một trong những giai đoạn xử lý nước thải. Khi nước thải được dẫn vào bể này (sau khi đã trải qua xử lý sinh học kỵ khí ở bể Anaerobic), tại đây sẽ diễn ra các phản ứng Nitrat hóa và Photphorit. Trong bể Anoxic được trang bị máy khuấy chìm với nhiệm vụ khuấy trộn dòng nước liên tục với một tốc độ ổn định nhằm tạo ra môi trường thiếu oxy, giúp vi sinh vật thiếu khí phát triển. Ngoài ra, trong bể Anoxic còn được lắp đặt thêm hệ thống đệm sinh học (nhựa PVC) để làm nơi trú ngụ cho hệ vi sinh vật. Hệ vi sinh vật thiếu khí sẽ bám dính vào bề mặt các đệm này để sinh trưởng, phát triển mạnh mẽ.

Trong quá trình xử lý sinh học thiếu khí tại bể Anoxic, chủng vi khuẩn Acinetobacter sẽ được tham gia vào nhằm hỗ trợ chuyển hóa các hợp chất hữu cơ chứa Photpho thành hợp chất mới loại bỏ hoàn toàn Photpho, giúp các vi sinh vật hiếu khí dễ dàng phân hủy hơn. Còn vi khuẩn Nitrosomonas và Nitrobacter có chức năng hỗ trợ khử Nitrat hiệu quả.

e.4. Bể lắng (2x1,2x2,5m)

Nhiệm vụ: lắng các bông bùn vi sinh từ quá trình sinh học và tách các bông bùn này ra khỏi nước thải.

Nước thải từ bể sinh học hiếu khí dính bám được dẫn vào ống phân phối trung tâm của bể lắng. Nước thải sau khi ra khỏi ống phân phối trung tâm được phân phối đều trên toàn bộ mặt diện tích ngang ở đáy ống phân phối trung tâm. Ống phân phối trung tâm được thiết kế sao cho nước khi ra khỏi ống và đi lên với vận tốc chậm nhất (trong trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy bể lắng. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ COD, BOD giảm 70-80% (hiệu quả lắng đạt 70-80%). Bùn lắng ở đáy bể lắng được bơm tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí dính bám và bùn dư được bơm về bể

chứa & phân hủy bùn và được thải bỏ theo đúng qui định.

Nước thải sau khi lắng các bông bùn sẽ chảy tràn qua máng thu nước và được dẫn qua bể khử trùng.

e.5. Bể khử trùng (2x1,2x2,5m)

Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 105 – 106 vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loài vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Khi cho Chlorine vào nước, dưới tác dụng chảy rối do cấu tạo vách ngăn của bể và Chlorine là có tính oxi hóa mạnh sẽ khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật và gây phản ứng với men bên trong của tế bào vi sinh vật làm phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) sau đó thoát ra điểm tiếp nhận nước thải là hệ thống thoát nước trung của thành phố.

1.3.4. Các thông số kỹ thuật, vận hành của các công trình xử lý nước thải:

Bảng 9: Thông số các hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Hạng mục	Số lượng	Thời gian Lưu (ngày)	Thể tích (m ³)	Kích thước xây dựng (LxBxH)	Kết cấu
1	Bể tự hoại 3 ngăn 30m ³	02	03	30	Ngăn chứa: 2,5x2x2m Ngăn lắng: 2,5x2x2m Ngăn lọc: 2,5x2x2m	BTCT
2	Bể tự hoại 3 ngăn 54m ³	01	03	54	Ngăn chứa: 4,233x2,08x2m Ngăn lắng: 4,233x2,08x2m Ngăn lọc: 4,233x2,08x2m	BTCT
3	Bể tách dầu, mỡ	01	-	11,55	Ngăn 1: 1,925x1,5x2m Ngăn 2: 1,925x1,5x2m	BTCT
4	Bể điều hoà	01	-	72	9x4x2m	BTCT
5	Bể sinh học hiếu khí	01	2	9,2	2x1,84x2,5m	BTCT
6	Bể Anoxic	01	2	9,2	2x1,84x2,5m	BTCT
7	Bể lắng	01	1	6	2x1,2x2,5m	BTCT
8	Bể khử trùng	01	-	6	2x1,2x2,5m	BTCT

1.3.5. Hoá chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Bảng 10: Hoá chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Hóa chất	Đơn vị	Khối lượng, tần suất sử dụng
1	Hóa chất khử trùng Clorin	kg	6 kg/tháng
2	Hóa chất vi sinh Bio – phot	kg	20,5kg/3 tháng

(Nguồn: Chủ cơ sở)

Ghi chú:

- Hoá chất khử trùng Clorin liều lượng sử dụng khoảng 2mg/lít nước thải theo Theo TCXD 33:2006.

- Lượng Hóa chất vi sinh Bio – phot sử dụng bổ sung cho bể tự hoại giai đoạn vận hành thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất với liều lượng khoảng 180g/1 m³ bể tự hoại với tần suất khoảng 03 tháng/lần.

1.3.6. Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Đối với nước thải sinh hoạt yêu cầu xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT cột B

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình, biện pháp xử lý khí thải và mùi từ hoạt động đun nấu tại khu vực nhà bếp.



Hình 15: Hệ thống hút mùi khu vực nấu ăn

LPG (là khí dầu mỏ hóa lỏng thường gọi là khí gas) được xem là một loại nhiên liệu sạch nên khí thải phát sinh luôn luôn đạt tiêu chuẩn cho phép. Nguồn ô nhiễm chủ yếu từ quá trình đốt là nhiệt độ sẽ được giảm thiểu thông qua các biện pháp sau:

- Lắp đặt hệ thống hút mùi dựa trên nguyên tắc của quạt thông gió kết hợp với màng lọc được làm bằng than hoạt tính, hệ thống dẫn hơi (Ống khói) được dẫn ra ngoài với chiều cao 15m (Vì màng lọc được làm bằng than hoạt tính có tác dụng thanh lọc và giữ lại các chất độc hại).

Có biện pháp thông thoáng tại nhà nấu ăn.

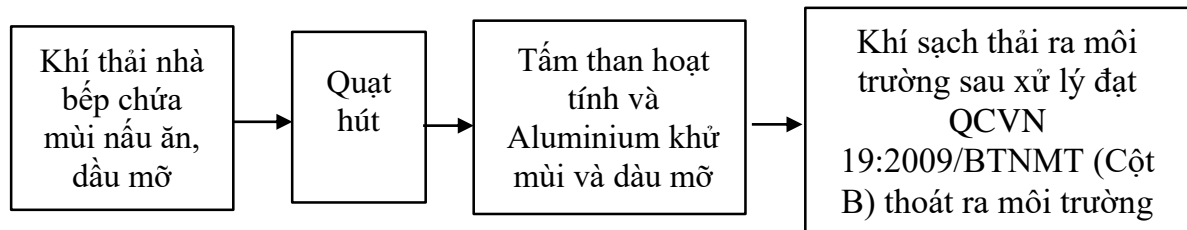
- Hạn chế tối đa để dầu mỡ không cháy khét
- Không sử dụng dầu ăn nấu lại nhiều lần

- Đối với mùi nấu ăn sử dụng máy hút khói và khử mùi khói bếp chức năng như sau: Triệt tiêu dioxit carbon, loại độc chất trong gas, mùi thức ăn, lọc không khí, bảo vệ sức khỏe, môi trường, hạn chế hư hỏng các đồ vật trang trí nội thất cao cấp. Máy hút mùi hoạt động dựa trên nguyên tắc của quạt thông gió kết hợp với màng lọc. Máy bao gồm các bộ phận cơ bản: lớp vỏ bên ngoài, hệ thống dẫn hơi, lưới lọc, quạt hút, đèn chiếu sáng, đèn báo hiệu mức độ bám bẩn và nút điều chỉnh các tốc độ hút. Các loại khí độc hại và mùi khó chịu sẽ được hút lên bằng quạt và chuyển theo đường ống lên tầng cao rồi thoát ra ngoài, còn bụi bẩn và các hạt dầu mỡ sẽ bám lại lớp màng lọc - có thể dễ dàng tháo ra để vệ sinh và thay mới. Máy hút mùi này còn có tác dụng hút bớt nhiệt và làm dịu không gian bếp. Sau khi nấu nướng xong, phải để máy hoạt động thêm khoảng 10-15 phút mới tắt để máy hút sạch khói và mùi thức ăn tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh khi thải ra môi trường sau xử lý đảm bảo nồng độ luôn nằm trong giới hạn cho phép quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) thoát ra môi trường không khí.

Chế độ vận hành hệ thống: Chỉ khi phát sinh hoạt động nấu ăn

Chế độ xả khí thải: Chỉ khi phát sinh hoạt động nấu ăn

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý mùi được thể hiện như sau:



Hình 16: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý mùi

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi phát sinh từ các bể trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thể hiện như sau:

Bảng 11: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi khí thải phát sinh

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Quạt hút khí	Công suất: 1.000 m ³ /giờ Cột áp: 500 Pa Điện áp 0,4 kW/1 pha/220V/50Hz Xuất xứ: Việt Nam	01 bộ
2	Vật liệu hấp phụ	Than hoạt tính	01 bộ

3	Ống dẫn xả khí (mùi hôi) sau xử lý	Chiều dài: 20 m Vật liệu: PVC D110	01 bộ
---	---------------------------------------	---------------------------------------	-------

(Nguồn: Chủ cơ sở)

Các quạt hút được nhân viên bếp vệ sinh hàng ngày sau khi kết thúc nấu ăn. Đối với vật liệu hấp phụ là than hoạt tính thì cơ sở thay định kỳ 06 tháng/lần. Lượng than hoạt tính thải bỏ được thu gom và lưu chứa trong kho chất thải nguy hại hiện hữu tại cơ sở. Định kỳ chuyển giao cho Đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý nguy hại để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Cơ sở “Khách sạn Hoàng Nhâm” không thuộc loại hình cơ sở quy định theo Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên không thuộc trường hợp phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải. Chủ cơ sở hoàn toàn không có sử dụng hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý mùi tại cơ sở.

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng

Vì hoạt động của dự phòng không thường xuyên, do đó lưu lượng khí thải phát sinh không nhiều và gián đoạn. Tuy nhiên hoạt động của không thường xuyên liên tục nên biện pháp giảm thiểu khí thải từ là sử dụng hệ thống quạt thông gió. Quạt thông gió sẽ được thiết kế hợp lý đảm bảo tiêu thoát khí thải phát sinh từ quá trình chạy .

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

3.1.1. Nguồn phát sinh, thành phần:

a) Chất thải rắn sinh hoạt

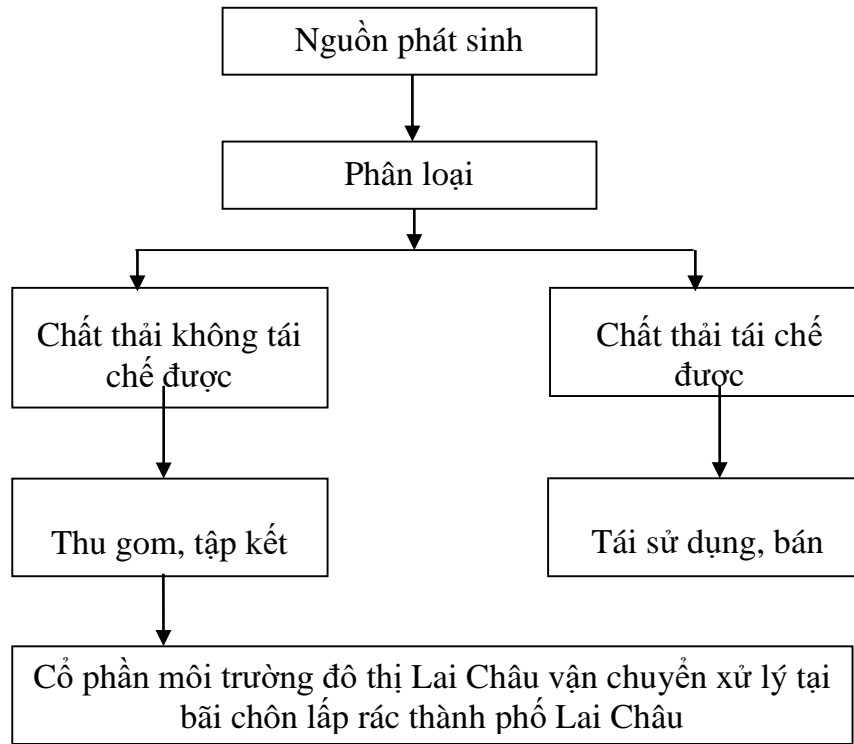
- Khách sạn Hoàng Nhâm hoạt động có tối đa khoảng 248 khách lưu trú và 52 nhân viên khách sạn. Theo báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia năm 2019 (chuyên đề quản lý CTR sinh hoạt) do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thì chỉ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt bình quân trên đầu người tỉnh Lai Châu khoảng 0,42 kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 126 kg/ngày.

Bên cạnh đó lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà bếp chủ yếu là các loại thực phẩm bị hư hỏng khoảng từ 30 – 40 kg/ngày; chất thải rắn từ các dịch vụ khác khoảng 20kg/ngày (số liệu theo dõi thực tế trong quá trình vận hành).

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất tại cơ sở là 185,2 kg/ngày.

- Thành phần của rác thải sinh hoạt là các chất hữu cơ dễ phân hủy như rau, củ, quả và các thành phần có thể tái chế như bao bì, đồ hộp...chất hữu cơ khi phân hủy sinh ra mùi hôi, thối; gây ô nhiễm đất, có khả năng thu hút các loại côn trùng như ruồi, muỗi; tăng nguy cơ phát sinh và lây truyền mầm bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân. Nếu không thu gom và xử lý, rác thải sẽ bị cuốn theo nước mưa chảy tràn, chảy xuống nguồn tiếp nhận làm ô nhiễm nước, tắc hệ thống mương, rãnh thoát nước khu vực ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh và sức khỏe của khách hàng và nhân viên khách sạn.

3.2. Biện pháp xử lý:



Hình 17. Sơ đồ xử lý chất thải rắn



Hình 18. Hình ảnh khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt

Công ty sẽ thực hiện đúng theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu quy định về quản lý chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt; phương tiện; tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Cụ thể như sau:

- Công tác phân loại và lưu giữ:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khách sạn được phân loại tại nguồn sau đó quản lý như sau:

+ Thùng đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm: các chai nhựa, chai thủy tinh, bao bì, hộp giấy... được tách riêng tái chế, tái sử dụng hoặc bán.

+ Thùng đựng chất thải hữu cơ gồm: thức ăn thừa, rau, củ, quả... được thu gom từ các thùng chứa rác có nắp bố trí tại các khu chức năng như sau: phòng nghỉ 01 thùng 20l/phòng; văn phòng 01 thùng 20l; khu vực nhà bếp 05 thùng 150l; sân vườn 03 thùng 50l.

+ Thùng đựng chất thải khác, gồm: Mảnh vụn thải không phân hủy sinh học trong chất thải từ động vật như xương, lông động vật...; chất thải vô cơ không có khả năng tái sử dụng, tái chế như mảnh vụn cao su, nhựa không còn khả năng tái chế...



Hình 19. Hình ảnh thùng chứa chất thải sinh hoạt

+ Bố trí khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích khoảng 48m² để lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị vệ sinh môi trường mang đi xử lý theo quy định. Vị trí đặt khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt ở phía sau toà khách sạn Hoàng Nhâm.

- Công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của khách sạn được Công ty cổ phần môi trường đô thị Lai Châu thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt thành phố Lai Châu để xử lý đảm bảo quy định.

(Khách sạn thực hiện nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Lai Châu)

3.2. Giảm thiểu ô nhiễm đối với chất thải rắn sản xuất: Không có.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Nguồn phát sinh, thành phần:

Hoạt động của dự án có thể phát sinh một số loại chất thải nguy hại với chủng loại tương đối đa dạng như sau: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính thành phần nguy hại, dung môi: từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật của dự án như , máy bơm. Mực in, hộp mực in. Từ hoạt động của văn phòng điều hành dự án: pin thải ra từ hoạt động của các phòng khách sạn...

Tới thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho khách sạn hoàng nhâm có phát sinh khối lượng chất thải nguy hại rất ít khoảng 5kg, do đó khi nào khối lượng đủ lớn Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị vận chuyển, xử lý để vận chuyển, xử lý đảm bảo quy định.

Tuy nhiên trong tương lai khối lượng chất thải nguy hại có thể phát sinh với khối lượng nhiều hơn hiện tại. Căn cứ quy mô dự án có thể dự báo chất thải nguy hại phát sinh trong tương lai của khách sạn với thành phần và số lượng các loại chất thải nguy hại được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 12: Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành

TT	Chất thải nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
2	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	5
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	10
4	Pin/ắc quy thải	16 01 12	5
	Tổng		25

- Riêng đối với chất thải nguy hại bao gồm bóng đèn huỳnh quang, pin, giẻ lau dầu mỡ, ... được thu gom quản lý theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cụ thể được thu gom vào các thùng chứa riêng (Có dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại) lưu giữ ở trong kho dưới tầng hầm có diện tích 10 m² (5m x 2m), sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.



Hình 20: Kho chứa chất thải nguy hại của khách sạn

4.2. Biện pháp thu gom, xử lý:

Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được quản lý (thu gom, vận chuyển và xử lý) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Các biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại cụ thể như sau:

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Không để chất thải nguy hại với CTR sinh hoạt thông thường.

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, đựng trong từng thùng riêng. Các thùng lưu giữ chất thải nguy hại đúng quy cách như: phân biệt màu sắc, kín, dán nhãn theo đúng quy định. Các thùng chứa CTNH được lưu trong kho chứa CTNH. Thuê đơn vị vận chuyển xử lý CTNH thích hợp chất để xử lý.

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại, có diện tích khoảng 17,15m² được bố trí dưới tầng hầm của khách sạn có kết cấu trung với kết cấu của khách sạn với cột, sàn, mái đổ bê tông, cốt thép; tường xây bằng gạch đỏ chất vữa xi măng M75 và bên ngoài kho có biển báo khu vực lưu trữ chất thải nguy hại.

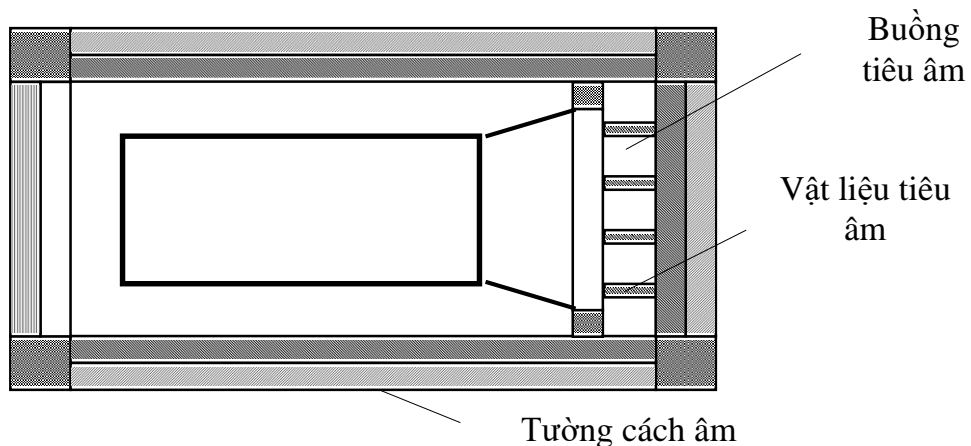
- CTNH được thu gom, phân loại và cho vào 05 thùng composit dung tích 150l có dán nhãn mã chất thải nguy hại khác nhau và có dán nhãn dấu hiệu cảnh báo với từng mã CTNH lưu chứa theo quy định.

- Chủ cơ sở có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn chủ yếu là do hoạt động của con người gây ra kèm theo đó là do hoạt động của các thiết bị như , máy bơm nước...

Đối với bố trí riêng phòng đặt có vách cách âm.

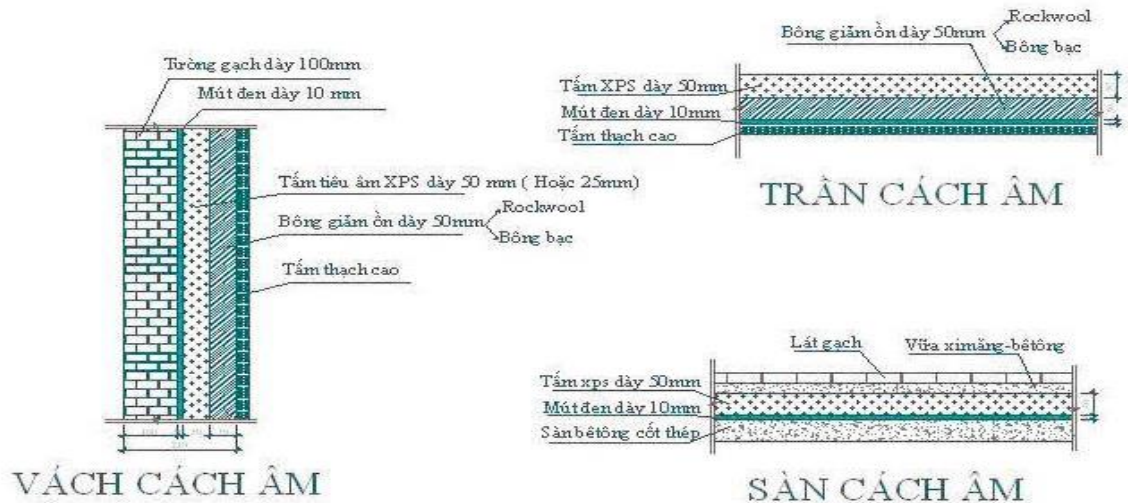


Hình 21. Sơ đồ nguyên lý buồng tiêu âm chống ồn

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ cho máy móc nhằm đảm bảo máy móc vận hành được tốt, tăng tuổi thọ, giảm tiếng ồn và độ rung.

Để giảm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án, biện pháp được đề xuất là trồng cây xanh xung quanh dự án, chọn loại cây xanh có tán lá rộng có khả năng hấp thụ và cản sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

Tại khu vực tổ chức hội nghị, hội thảo, phòng Karaoke là hoạt động tập trung đông người và sử dụng âm thanh loa đài công suất lớn nên ngay từ trong quá trình thiết kế và xây dựng tại các khu vực này phải sử dụng vật liệu cách âm tốt, có khả năng hấp thụ tiếng ồn tốt và cách biệt với các khu vực khác bằng kính hoặc vật liệu xốp trang trí có khả năng cách âm. Ngoài ra chủ dự án phải thường xuyên nhắc nhở, tuyên truyền đến tất cả những khách hàng, cán bộ nhân viên hiểu và ý thức về việc hạn chế gây tiếng ồn



Hình 22. Kết cấu cách âm phòng Karaoke

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở

6.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

Tại Khách sạn, các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về cháy nổ được thực hiện như sau:

Các thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao sẽ có hồ sơ rõ ràng và thực hiện nghiêm ngặt các chế độ kiểm tra định kỳ. Các thiết bị làm việc trong điều kiện áp suất cao sẽ được trang bị đầy đủ các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất và các thiết bị an toàn khác,...

Các thiết bị điện sẽ được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm;

Tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, công nhân trong đội cứu hỏa sẽ trực 24/24 giờ.

- Thành lập đội phòng chống cháy tại Khách sạn. Trang bị các phương tiện phòng chống cháy như bình chữa cháy, bể nước dự trữ chống cháy,... thực hiện phòng cháy chữa cháy theo nội quy Khách sạn.

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của công trình.

- Tiến hành sửa chữa định kỳ. Trong trường hợp có sự cố công nhân vận hành sẽ được hướng dẫn và xử lý theo đúng quy tắc an toàn.

- Công nhân hoặc cán bộ vận hành được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận

hành đúng kỹ thuật.

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dượt chữa cháy cho công nhân.
- Nghiêm cấm những người không có nhiệm vụ đến gần khu vực chứa nhiên liệu của Khách sạn.

6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các mối nối/các van khóa trên đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

Khi xảy ra sự cố về vỡ đường ống cấp thoát nước thì lập tức ngưng dẫn nước qua đoạn ống bị vỡ, nhanh chóng thay thế đoạn ống bị vỡ. Khi xảy ra sự cố rò rỉ, thì cần ngưng dẫn nước qua đường ống rò rỉ, sau đó bịt chỗ rò rỉ bằng các phụ kiện phù hợp. Nếu không thể bịt được chỗ rò rỉ thì thay thế đoạn ống dẫn nước mới.

6.3. Biện pháp sự cố đối với sự cố thang máy

Đối với hoạt động của thang máy, Khách sạn sử dụng các phương án bảo trì, ứng phó sự cố như sau:

- Vận hành và bảo trì thang máy thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của khu nhà cung cấp;
- Phải có đội kỹ thuật bảo trì sửa chữa hoạt động thang máy thường xuyên tại khu nhà nhằm đảm bảo an toàn, kịp thời khi có sự cố về thang máy xảy ra. Thường xuyên bảo trì hệ thống nhằm đảm bảo an toàn;
- Khi gặp sự cố thực hiện các bước sau:
 - + Thử nút mở cửa;
 - + Sử dụng các thiết bị cứu hộ trong thang máy;
 - + Liên lạc với người bên ngoài.

6.4. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được đào tạo kiến thức về vận hành hệ thống xử lý nước thải, ngoài ra khi có sự cố thì phải lập tức báo cáo cấp trên để tiến hành giải quyết. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có các biện pháp khắc phục kịp thời. Trang bị dự phòng trường hợp cúp điện vẫn đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định.

- Các máy móc, thiết bị chính trong hệ thống đều có số lượng tối thiểu 01 hoạt động – 01 dự phòng, trường hợp 01 thiết bị hư hỏng, thì thiết bị còn lại sẽ đảm nhận hoạt động trong thời gian sửa chữa đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

6.5. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi

Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị hệ thống xử lý mùi nhằm phát hiện kịp thời các hư hỏng của thiết bị.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp điện liên tục cho hệ thống xử lý mùi để hoạt động (trường hợp lưới điện gặp sự cố thì phải sử dụng dự phòng lập tức để cung cấp điện cho hệ thống hoạt động) để kịp thời xử lý hiệu quả mùi.

Định kỳ thay vật liệu lọc (than hoạt tính) của tháp hấp phụ mùi nhằm để đảm bảo lượng khí thải (mùi hôi) sau xử lý đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn.

6.6. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

Trong quá trình hoạt động hóa chất chủ yếu được sử dụng là NaOCl nhằm để khử trùng nước thải. Lượng hóa chất này tương đối ít, nên Chủ cơ sở bố trí khu vực khô ráo, thoáng khí cách xa các nguồn có thể gây ra cháy. Các biện pháp sơ cứu khi tiếp xúc với hóa chất như sau:

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng hoặc là dây vào mắt): Ngay lập tức rửa mắt thật kỹ với nước trong vòng 15 phút, giữ cho mắt mở khi rửa.

Trường hợp tai nạn tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Lập tức thay đồ và tắm rửa ngay sau khi tiếp xúc với môi trường.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Ra nơi thoáng khí để giảm các cơn ho bằng cách cho uống thuốc ho hoặc sữa.

6.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố ngộ độc thực phẩm

Chủ cơ sở kiểm tra hàng ngày nguồn gốc chất lượng của từng loại thực phẩm được cung cấp cho nhà bếp tại cơ sở, chỉ sử dụng loại thực phẩm từ những cửa hàng cung cấp uy tín, có xuất xứ hàng hóa rõ ràng.

Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ của khu vực nhà bếp. Luôn luôn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình chế biến món ăn.

Người làm việc tại khu vực nhà bếp đều phải sử dụng đầy đủ đồ bảo hộ trong suốt quá trình chế biến món ăn trong nhà bếp.

Phải kiểm tra chất lượng món ăn trước khi phục vụ cho khách hàng. Phải lưu mẫu thử thực phẩm để thuận tiện cho hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm.

6.8. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố

Máy biến áp được lựa chọn có khả năng chịu quá tải, chịu ngắn mạch tốt.

Nếu máy biến thế và dự phòng đều hoạt động hết công suất thì cần phải kiểm tra lại hiệu năng hoạt động của máy cũng như trạm điện.

Trang bị các phương tiện chữa cháy, bình CO₂, cát, xẻng, sào cắt điện tại khu

vực đặt trạm biến áp, .

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

7.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt dư

Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ khuôn viên cơ sở.

Trồng/bố trí các chậu cây xanh đặt trong khuôn viên cơ sở nhằm để giúp điều hòa nhiệt độ và tạo mỹ quan cho cơ sở.

Bố trí các quạt thông gió để lấy gió tự nhiên nhằm để giúp giảm nhiệt độ bên trong khu vực cơ sở.

7.2. Biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp

Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động công nhân như quần áo bảo hộ giày bảo hộ, găng tay, tai chống ồn và khẩu trang,...

Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho công nhân với tần suất 01 năm/lần.

Thường xuyên tổ chức tập huấn cho công nhân biện pháp sơ cứu tạm thời khi có sự cố xảy ra như hà hơi thổi ngạt, cung cấp oxy.

8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong quá trình triển khai thực hiện chủ cơ sở có một số thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 1556/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu ngày 22 tháng 12 năm 2015. Các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động Môi trường đã được phê duyệt của cơ sở như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép Môi trường của cơ sở Khách sạn Hoàng Nhâm

Hạng mục/	Nội dung theo ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, điều chỉnh	Lý do thay đổi	Văn bản chấp thuận/ chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước
Tên chủ cơ sở	Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Hoàng Nhâm	Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm	Thay đổi nội dung về giấy phép ĐKKD	Giấy chứng nhận ĐKKD Số 6200003760 do Sở Kế Hoạch đầu tư cấp ngày 17/3/2017
Chủ trương đầu tư dự án	Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Khách sạn Hoàng Nhâm	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2017 Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khách sạn Hoàng Nhâm	Thay đổi quy mô xây dựng	Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2017
Tổng mức đầu tư	200.000.000.000	395.000.000.000	Nhằm đảm bảo kinh phí thực hiện đầu tư	
Diện tích đất sử dụng	3.763m ²	7.918m ²	Phù hợp với nhu cầu phát triển khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao	
Số tầng khách sạn	1 tầng hầm và 9,5 tầng nổi	1 tầng hầm, 14,5 tầng lầu	Phù hợp với sự phát triển lĩnh vực dịch vụ	Quyết định số 22/QĐ-HN ngày 22/03/2016 của Doanh nghiệp XD tư nhân Hoàng Nhâm
Tổng chiều cao khách sạn	45,5m	62,5m		
Quy mô các phòng chức năng	Khách sạn có tổng số 81 phòng tiêu chuẩn từ 32m ² đến 38m ² . Có 01 tầng tổ chức tiệc cưới sức chứa 200 người, phòng ăn lớn 92 người, phòng	Khách sạn có Phòng nghỉ được thiết kế theo tiêu chuẩn 5 sao, gồm có 124 phòng nghỉ gồm: 37 phòng đơn diện tích	Đảm bảo phục vụ nhu cầu và sức chứa du khách	

Chủ cơ sở: **Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm**

Đơn vị tư vấn lập báo cáo: Công ty CP phát triển CNMT Thế Kỷ

Hạng mục/	Nội dung theo ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, điều chỉnh	Lý do thay đổi	Văn bản chấp thuận/ chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước
	<p>ăn ăn á 68 người và 03 phòng ăn VIP từ 08 đến 10 người, 01 tầng là phòng họp, hội thảo sức chứa 350 người</p>	<p>36m², 09 phòng đơn diện tích 54 m², 04 phòng đơn diện tích 70 m², 73 phòng đôi diện tích 36m², 01 phòng Vip diện tích 160m² và các phòng ăn VIP, phòng ăn lớn; các phòng hội trường, phòng họp cùng các dịch vụ đồ uống, dịch vụ vui chơi thể thao, giải trí</p>		
<p>Theo thuyết minh bản vẽ thi công Khu đất thuộc khuôn viên “Sân vườn cảnh quan khách sạn Hoàng Nhâm”</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Vườn hoa đào, vườn hoa mai, vườn hoa ban, vườn mận - Đài phun nước nghệ thuật - Khu vui chơi trẻ em ngoài trời - Nhà sàn người Mường - Nhà hàng ẩm thực 2 tầng - Non bộ, thác nước - Bể cá coi - Công trình công phụ - Khu cà ngoài trời - Gara ô tô ngầm 	<p>Xây mới</p>	

Hạng mục/	Nội dung theo ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, điều chỉnh	Lý do thay đổi	Văn bản chấp thuận/ chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước
		- Nhà thường trực - Trạm Biến áp - Và các hạng mục phụ trợ trang trí khác		
Nhu cầu sử dụng nước	65,28 m ³ /ngày.đêm	98,06 m ³ /ngày.đêm	- Phù hợp với thực tế quy mô của dự án. - Do có sự thay đổi về định mức sử dụng nước giữa thời điểm lập báo cáo ĐTM so với thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án	
Tổng lượng nước thải	60,28 m ³ /ngày.đêm	79,66 m ³ /ngày.đêm		
Công trình bảo vệ môi trường				
Bể tách mỡ	Kích thước 5x2x2m	4,3x1,8x2,3m	Phù hợp với thời gian lưu nước trên giờ	
Bể tự hoại	08 bể dung tích 13,75m ³ /bể vị trí đặt tại tầng hầm khách sạn	03 bể gồm: - 02 Bể tự hoại 3 ngăn 30m ³ vị trí đặt 01 bể phía dưới nhà sàn và 01 bể phía dưới nhà hàng - 01 Bể tự hoại 3 ngăn 54m ³ phía sau toà khách sạn	Phù hợp với không gian và đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải phát sinh từng khu vực	
Bể chứa và	- Bể chứa 6m ³	Không thực hiện xây dựng	Với mục tiêu của 02 bể	

Hạng mục/	Nội dung theo ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, điều chỉnh	Lý do thay đổi	Văn bản chấp thuận/ chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước
Bể lắng xoáy xử lý nước thải giặt	- Bể lắng xoáy 10m ³		chứa và lắng xoáy chủ yếu là lắng cặn trước đưa vào hệ thống xử lý tập trung. Tuy nhiên hệ thống xử lý nước thải tập trung đã bố trí bể điều hoà để gom và ổn định nước thải tại đây cũng có tác dụng lắng cặn và ổn định lưu lượng đưa vào các bể xử lý tiếp theo do đó việc xây dựng 02 bể như trong báo cáo ĐTM là không cần thiết và gây tốn kém kinh phí của chủ đầu tư	

Tại thời điểm triển khai xây dựng dự án Khách sạn Hoàng Nhâm (xây dựng từ năm 2016 đến năm 2020) công tác bảo vệ môi trường của dự án chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản hướng dẫn luật. Cụ thể như sau:

Điều 15 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường như sau:

“Điều 15. Lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Dự án thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, việc không triển khai dự án trong thời hạn 24 tháng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường là việc chủ dự án không triển khai thực hiện hạng mục nào trong giai đoạn thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường chưa đi vào vận hành phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, bao gồm:

a) Tăng quy mô, công suất (mở rộng dây chuyền sản xuất chính, bổ sung công trình, hạng mục chính) của dự án làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm chính của dự án; thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

c) Mở rộng quy mô đầu tư của khu công nghiệp; bổ sung vào khu công nghiệp ngành nghề đầu tư thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại nhóm I và nhóm II Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được tiếp tục triển khai thực hiện dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện những thay đổi nêu trên sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sau thay thế cho quyết định phê duyệt trước đó.

4. Việc lập, thẩm định và phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý kiến.”

Đối chiếu với quy định trên cho thấy những thay đổi của dự án Khách sạn Hoàng Nhâm chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cụ thể:

- Tăng quy mô, công suất (*bổ sung công trình, hạng mục chính tăng 06 tầng nhà khách sạn*) của dự án làm phát sinh tăng thêm lượng nước thải sinh hoạt dự báo trong ĐTM đã được phê duyệt là 19,38 m³/ngày.đêm (*từ 60,28 m³/ngày.đêm lên 79,66 m³/ngày.đêm*) tuy nhiên lượng phát sinh không vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(Chủ đầu tư đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đề xuất trong báo cáo ĐTM được phê duyệt với công suất xử lý 100 m³/ngày.đêm do đó với lưu lượng nước thải phát sinh sau tăng quy mô là 79,66 m³/ngày.đêm không vượt quá khả năng xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở so với phương án trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.)

Ngoài ra:

- Dự án không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường 2014.

“a) Không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;”

- Dự án không Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm chính của dự án; thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Như vậy, từ các lý do nêu trên cho thấy tại thời điểm xây dựng dự án các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

9. Nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường được cấp: Không có.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả về việc thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Quá trình hoạt động của Khách sạn Hoàng Nhâm có phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 79,66 m³/ngày đêm. Phát sinh bởi các nguồn sau:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của khách ở khách sạn, lưu lượng 32,24 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu vực các phòng hợp, lưu lượng 3,12 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, lưu lượng 27,5 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên phục vụ, lưu lượng 6,76 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt từ khu vực cafe + Massage, lưu lượng 1,04 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt từ khu vực giặt, lưu lượng 9 m³/ngày đêm.

4.1.2. Lưu lượng nước thải đề nghị cấp phép

Lưu lượng nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 100 m³/ngày đêm.

4.1.3. Dòng nước thải:

Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm được dẫn xả ra nguồn tiếp nhận trực tiếp là hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu.

4.1.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải: Giá trị giới hạn tối đa của thông số xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B). Cụ thể như sau:

Bảng 13: Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng nước thải

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
			QCVN14:2008/BTNMT (CộtB) hệ số K= 1
1	pH	-	5 - 9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	50

3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Vị trí xả nước thải

Địa chỉ: đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Tân Phong, TP Lai Châu

Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN 2000): X= 2476214; Y= 548532



Hình 23. Vị trí xả nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Phương thức xả nước thải

Tự chảy, xả ngầm theo ống PVC D200mm (với chiều dài 2 m) thoát ra nguồn tiếp nhận hệ thống thoát nước của thành phố Lai Châu

Chế độ xả nước thải: gián đoạn

- **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hệ thống công thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ 18, phường Tân Phong, TP Lai Châu.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không có

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Không có

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, cơ sở đã phối hợp với đơn vị quan trắc có đầy đủ năng lực chuyên môn thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường. Kết quả quan trắc môi trường trong năm 2022 và 2023 tại Khách sạn như sau:

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2022 và 2023 của cơ sở được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 14: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
				NTSH1	NTSH2	NTSH1	NTSH2	NTSH1	NTSH2	NTSH1	NTSH2	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	6,7	6,8	7,1	6,5	6,8	6,8	7,3	5-9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	TTQ-HT-03	185	167	192	186	201	195	178	166	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	25	27	36	32	41	38	35	33	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	22,8	20,4	23,7	24,2	21,2	22,3	18,6	17,3	50
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500 S ₂ .B&D:2017	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,36	0,29	1,05	0,69	1,4	1,2	1,2	1,1	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E :2017	0,45	0,38	1,65	1,34	3,5	2,9	3,9	3,2	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,2	2,7	4,6	3,4	5,1	4,8	4,6	4,1	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,4	1,1	1,4	1,2	1,4	1,2	1,3	1,1	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,42	0,33	0,84	0,63	1,3	1,1	1,4	1,3	10

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Lai Châu)

Bảng 15: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
				NTSH1	NTSH2	NTSH1	NTSH2	NTSH1	NTSH2	NTSH1	NTSH2	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,3	6,5	6,6	7,1	6,9	6,7	6,6	6,5	5-9
2	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	TTQ-HT-03	211	206	199	187	169	165	187	175	1000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	32	34	40	46	38	41	34	29	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20,5	19	23,6	22,1	19,6	18,4	18,4	17,6	50
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500 S ₂ .B&D:2017	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,3	1,2	2,2	1,8	1,7	1,4	2,3	2,1	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E :2017	2,6	2,1	3,1	2,5	2,9	2,6	5,8	3,5	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,9	2,5	4,7	3,6	2,5	2,3	3,2	2,8	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,8	1,3	2,3	1,9	1,8	1,6	1,5	1,1	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,5	1,1	1,6	1,4	1,3	1,2	2,7	2,3	10

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Lai Châu)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + NTSH1: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải khách sạn; Toạ độ X: 02476218; Y: 0548532
- + NTSH2: Hệ thống thoát nước chung của thành phố khu vực dự án: Toạ độ X: 02476266; Y: 0548558
- + “-” Tức là không quy định;
- *Quy chuẩn so sánh:*
- + QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Nhận xét: Từ các kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022 và 2023 của cơ sở tại bảng trên cho thấy, nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Như vậy, nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi qua xử lý đã đạt yêu cầu chất lượng có thể thải vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt

Kết quả quan trắc nước mặt trong năm 2022 và 2023 của cơ sở được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 16: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2022

T T	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 08- MT:2015/ BTNMT
				Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
				NM1	NM2	NM1	NM2	NM1	NM2	NM1	NM2	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B: 2017	20	20,5	22	22	24	24	20	20	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,6	6,7	6,9	6,9	6,8	6,5	6,6	5,5 - 9
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,2	4,9	5,2	5,3	5,6	5,2	5,3	5,4	4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	19	22	17	19	21	23	24	27	50
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8,4	8,9	8,1	8,3	7,8	8,1	8	8,6	15
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5520C:2017	17,7	20,6	17,1	19,8	16,6	17,2	17,2	17,5	30
7	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,34	0,38	0,31	0,29	0,19	0,21	0,14	0,17	0,9
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,46	0,53	0,39	0,44	0,22	0,24	0,27	0,23	10

9	Mn	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5
10	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
12	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,5
13	As	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
14	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	1

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Lai Châu)

Bảng 17: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2023

T T	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 08-MT:2015/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 1)
				Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4			
				NM1	NM2	NM1	NM2	NM1	NM2	NM1	NM2		
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	19	19	24	24	22	22	19	19	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	6,7	6,7	6,9	6,3	6,4	6,9	6,7	5,5 - 9	6,5 - 8,5 A*
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,5	5,7	5,6	5,5	5,9	5,8	6,2	6,3	4	≥6 A*

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	16	19	20	23	33	34	17	18	50	>15 C*
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,8	7,1	5,8	5,5	6,7	6,9	9,8	9,5	15	≤10 C*
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5520C:2017	15,4	15,8	12,3	12,6	14,1	14,6	15,7	15,4	30	≤20 C*
7	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,26	0,29	0,21	0,18	0,32	0,25	<0,1	<0,1	0,9	0,3
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,38	0,33	0,15	0,13	0,33	0,31	<0,1	<0,1	10	-
9	Mn	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5	0,1
10	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5	0,1
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05	0,02
12	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,5	0,5
13	As	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05	0,01
14	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	1	5

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Lai Châu)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu

- NM1: Nước mặt khu vực trước khi chảy qua dự án. Tọa độ : X: 2476551; Y: 548402

- NM2: Nước mặt sau khi chảy qua khu vực dự án. Toạ độ : X: 2476393; Y: 548640

+ “-”: Tức là không quy định;

+ KPH: Không phát hiện;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

+ “*”: Bảng 3 - Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

+ Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Nhận xét:

Từ kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước mặt năm 2022 và 2023 cho thấy các chỉ tiêu đều đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Quá trình hoạt động của khách sạn Hoàng Nhâm có phát sinh nước thải sinh hoạt cần được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Hiện nay, các hạng mục công trình xử lý và bảo vệ môi trường của khách sạn Hoàng Nhâm đã hoàn thành. Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm dự kiến tiến hành vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt của khách sạn Hoàng Nhâm như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 18: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án

TT	Công trình xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01 tháng Kể từ ngày cơ sở được Cấp giấy phép môi trường	02 tháng sau kể từ ngày bắt đầu	Dự kiến trong thời gian vận hành thử nghiệm, Khách sạn hoạt động 95-100% công suất

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải

Bảng 19: Kế hoạch đo đạc lấy mẫu đánh giá hiệu quả xử lý các công trình xử lý chất thải tại Dự án

TT	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Thời gian lấy mẫu	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
Lấy mẫu Lấy mẫu đánh giá hiệu quả xử lý giai đoạn vận hành ổn định					
1	Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform	Kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp. 1 ngày/lần	Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đủ điều kiện để phối hợp để thực hiện Kế hoạch

1.3.1. Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC

- Địa chỉ văn phòng: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Đình Kê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hào, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Điện thoại: 02046.285.678; E-mail: Lad215.fec@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2400813620 đăng kí lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2017, đăng kí thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường Vimcert 279 tại Quyết định số 385/QĐ-BTNMT ngày 04/03/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

1.3.2. Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia.

Địa chỉ: Số nhà 9, tổ dân phố số 2 Phú Đô, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0939315699

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc với Số hiệu Vimcerts 251 ban hành theo các Quyết định:

Quyết định số 1983/QĐ-BTNMT ngày 29/7/2019

1.3.3. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường của tỉnh Lai Châu.

- Địa chỉ: Phố Võ Thị Sáu, tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Số điện thoại: 0213 3798 246.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc với Số hiệu Vimcerts 184 ban hành theo Giấy chứng nhận số 18/GCN-BTNMT ngày 01/8/2023.

Ghi chú:

Trên đây chỉ là đơn vị dự kiến chủ đầu tư hợp tác, trong quá trình thực hiện sau này chủ đầu tư sẽ lựa chọn đơn vị đủ năng lực để ký hợp đồng thực hiện.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Quan trắc chất lượng nước thải

Quá trình vận hành khách sạn Hoàng Nhâm phát sinh tối đa 79,66 m³/ngày đêm nước thải.

Do dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đối chiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 97 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về quan trắc nước thải thì dự án giai đoạn vận hành không phải quan trắc nước thải.

Điểm b khoản 1 Điều 97 quy định như sau: “b) Mức lưu lượng xả nước thải lớn của dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ 500 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m³/ngày (24 giờ); mức lưu lượng xả nước thải rất lớn từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên”.

b) Quan trắc chất lượng khí thải:

Theo khoản 2, điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và điểm c, khoản 1, điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Dự án có lưu lượng khí thải dưới 50.000 m³/giờ. Vì vậy, dự án Khách sạn Hoàng Nhâm không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động và liên tục khác theo quy định pháp luật có liên quan hoặc đề xuất của chủ cơ sở

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, CTR sản xuất thông thường

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, CTR sản xuất thông thường.

- Thông số giám sát: Chủng loại, khối lượng.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về hướng dẫn luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Chủng loại, khối lượng và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Quản lý CTNH theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều luật Bảo vệ môi trường;

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: Không có

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ năm 2023 – đến nay không có kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm cam kết tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo và hồ sơ.

Với quan điểm phát triển bền vững, thực hiện Luật bảo vệ môi trường, Công ty cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

Thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, cam kết đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

Chất thải rắn, chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố môi trường và sự cố cháy nổ;

Cam kết thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động.

PHỤ LỤC